MBSecurities

ĐỒNG LÒNG TẠO THÀNH CÔNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **2021**

MỤC LỤC

CHƯƠNG 01

Tổng quan về MBS

Giới thiệu chung 16

Lĩnh vực hoạt động 16

Mạng lưới 17

Sơ đồ tổ chức 18

Thông tin dành cho cổ đông 20

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 22

BAN KIỂM SOÁT 24

BAN ĐIỀU HÀNH 26

Quản trị rủi ro 28

CHƯƠNG 02

Quản trị doanh nghiệp

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của HĐQT 34

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT 36

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của BAN KIỂM SOÁT 37

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH và BAN KIỂM SOÁT 38

CHƯƠNG 03

Kết quả hoạt động kinh doanh 2021 và Định hướng chiến lược 2022

Tổng quan thị trường chứng khoán năm 2021 44

Báo cáo của HĐQT 46

Báo cáo của BAN ĐIỀU HÀNH 52

Báo cáo của BAN KIỂM SOÁT 56

Định hướng chiến lược 2022 58

CHƯƠNG 04

Báo cáo phát triển bền vững

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững 62

Các chỉ số phát triển bền vững năm 2021 63

Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan 64

Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quan kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan 66

Đánh giá các vấn đề trọng yếu 70

Định hướng chiến lược phát triển bền vững 78

CHƯƠNG 05

Báo cáo tài chính

Thông tin chung 82

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 84

Báo cáo kiểm toán độc lập 85

Báo cáo tình hình tài chính 86

Báo cáo kết quả hoạt động 92

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 96

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 100

Thuyết minh báo cáo tài chính 102

Thông điệp của CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

"Với phương châm hành động: "Tăng tốc số - Hấp dẫn khách hàng - Hiệp lực tập đoàn - An toàn bền vững" và phấn đấu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh, MBS dự kiến doanh thu năm 2022 trên 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.100 tỷ đồng và ROE tối thiểu 21%".

Kính thưa Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Quý đối tác và CBNV MBS!

Năm 2021, tình hình kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục có nhiều khó khăn, thị trường tài chính Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng có nhiều biến động khó lường do dịch Covid 19. Đứng trước tình hình đó, Hội đồng quản trị MBS đã đưa ra những định hướng đúng đắn, quyết liệt và linh hoạt chỉ đạo điều hành theo diễn biến tình hình thực tiễn để định hướng hoạt động của Công ty qua đó hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh được ĐHĐCĐ giao phó.

Cụ thể năm 2021, doanh thu MBS đạt 2.247 tỷ đồng, hoàn thành 149% kế hoạch cả năm, gấp 02 lần so với năm 2020. Lợi nhuận trước thuế đạt 736,3 tỷ đồng, tương đương 153% kế hoạch cả năm, gấp 2,19 lần năm 2020. Hoạt động môi giới tăng trưởng mạnh, doanh thu gấp 2,2 lần so với kế hoạch với sự phát triển đồng bộ của cả 3 kênh bán (Số, Private và kênh truyền thống). Số lượng KH mở mới đạt giá trị cao nhất trong lịch sử 21 năm. Tổng số tài khoản mở mới trong năm 2021 là 161.468 tài khoản, trong đó số lượng tài khoản mở mới qua App MB và MBS đạt 141.757 tài khoản.

Bên cạnh những con số ấn tượng đó, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty đạt được nhiều kết quả nổi bật, cụ thể: (1) MBS hoàn thành xây dựng chiến lược kinh doanh giai đoạn 2022 – 2026 với sự tư vấn của đối tác BCG - đơn vị tư vấn chiến lược hàng đầu Thế giới, với tầm nhìn trở thành công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam, Top 3 TTCK về hiệu quả hoạt động, Top 5 TTCK về thị phần môi giới. (2) Điều chỉnh mô hình tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng chiến lược. (3) Triển khai các dự án công nghệ thông tin trọng điểm nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh, tối ưu vận hành và nâng cấp hạ tầng công nghệ.

Đạt được kết quả khả quan đó, bên cạnh sự lãnh đạo đúng đắn của Hội đồng quản trị MBS, phải kể đến sự định hướng và hỗ trợ từ phía ngân hàng mẹ - Ngân hàng TMCP Quân đội cộng với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV trong công ty. Kết quả này cũng khẳng định rằng định hướng chiến lược kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra là hoàn toàn đúng đắn và sẽ là tiền đề quan trọng cho việc thực hiện chiến lược phát triển của MBS giai đoạn tiếp theo, theo đó tập trung vào tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững.

Trong năm 2022, MBS đưa ra phương châm hành động: "Tăng tốc số - Hấp dẫn khách hàng – Hiệp lực tập đoàn – An toàn bền vững" và phấn đấu tăng trưởng mạnh mẽ về hiệu quả kinh doanh với kế hoạch dự kiến doanh thu trên 3000 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1,100 tỷ đồng và ROE tối thiểu 21%.

Phương châm và mục tiêu này sẽ được Hội đồng quản trị cụ thể hóa trong những nhiệm vụ trọng tâm năm 2022 bao gồm: (1) Triển khai các sáng kiến chiến lược theo nội dung đã được Ngân hàng MB phê duyệt, trong đó tập trung tiếp tục tìm kiếm đối tác chiến lược MBS, tăng cường nguồn lực vốn, tăng hiệu quả hoạt động của MBS; (2) Thay đổi mô hình kinh doanh, chuyển đổi số đồng bộ, nâng cao trải nghiệm khách hàng, tối ưu hóa quy trình hoạt động; (3) Đầu tư mạnh về công nghệ đáp ứng nhu cầu kinh doanh, các khối hỗ trợ và quản trị điều hành; (4) Chú trọng vào các hoạt động văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn lực nội bộ như đào tạo chuyên sâu, đào tạo tài năng, rà soát và điều chỉnh cơ chế đãi ngộ theo năng lực và thành tích.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới các quý vị cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể CBNV MBS đã luôn tin tưởng và đồng hành cùng MBS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Viết Hải

Tầm nhìn

Trở thành Công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam

Sứ mệnh

Cung cấp dịch vụ xuất sắc nhất cho khách hàng

Giá trị cốt lõi

- Tiên Phong
- Sáng tạo
- Đoàn kết
- Kỷ luật
- Tận tâm

Chặng đường phát triển.

Sơ đồ phát triển qua các năm

2000

Thành lập bởi Ngân hàng TMCP Quân đội, vốn điều lệ 9 tỷ đồng.

Là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên của TTCK Việt Nam.

2003

Tăng vốn điều lệ lên 43 tỷ đồng.

Khai trương Chi nhánh Hồ Chí Minh tại TP. HCM.

2006

Tăng vốn điều lệ lên 120 tỷ đồng.

2007

Tăng vốn điều lệ lên 300 tỷ đồng.

2008

Tăng vốn điều lệ lên 430 tỷ đồng.

2009

Tăng vốn điều lệ lên 800 tỷ đồng.

Khai trương Chi nhánh Hải Phòng.

Đứng đầu thị phần môi giới tại HSX và HNX.

2010

Tăng vốn điều lệ lên 1.200 tỷ đồng.

Đứng đầu thị phần môi giới tại HSX và HNX.

2012

Đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán MB.

Thay đổi logo và hệ thống nhận diện.

Khai trương Chi nhánh Hà Nội tại Hà Nội.

2013

Hợp nhất với Công ty Chứng khoán VIT nhưng giữ nguyên tên gọi Công ty CP Chứng khoán MB.

Tăng vốn điều điều lệ lên 1.221 tỷ đồng.

Khai trương Chi nhánh Hoàn Kiếm tại Hà Nội

2016

Niêm yết cổ phiếu trên sàn HNX.

Khai trương Chi nhánh Sài Gòn tại TP. HCM.

Khai trương Chi nhánh Bắc Sài Gòn tại TP. HCM.

2017

Kết thúc 5 năm tái cấu trúc thành công.

2018

Kết quả kinh doanh vượt trội. Đạt giải thưởng quốc tế về hoạt động IB.

2020

Kết quả kinh doanh vượt trội

Thay đổi logo và nhận diện thương hiệu.

Chuyển trụ sở mới về 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội.

2021

Kết quả kinh doanh cao nhất kể từ khi thành lập.

Kết quả tài chính nổi bật năm 2021

Doanh thu

2.247 tỷ VNĐ

Lợi nhuận trước thuế

736 tỷ VNĐ

MBS đã đạt được kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021 cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.247 tỷ đồng, bằng 200% so với năm 2020, hoàn thành 150% kế hoạch cả năm 2021.
- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 của MBS đạt 736 tỷ đồng, bằng 153% kế hoạch cả năm, tương đương 219% so với năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế

Kế hoạch 2021
480 tỷ VNĐ

Thực hiện 2021
736 tỷ VNĐ

Thực Hiện 2021/ Thực Hiện 2020 **219%**

Thực hiện 2020
336 tỷ VNĐ

Thực Hiện 2021/ Kế Hoạch 2021 **153%**

Tổng doanh thu

Kế hoạch 2021
1.500 tỷ VNĐ

Thực hiện 2021
2.247 tỷ VNĐ

Thực Hiện 2021/ Thực Hiện 2020 **200%**

Thực hiện 2020
1.122 tỷ VNĐ

Thực Hiện 2021/ Kế Hoạch 2021 **150%**

Thách thức là cơ hội

Năm 2021, nền kinh tế vẫn chịu nhiều ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19, đồng thời các CTCK trong nước cũng cạnh tranh vô cùng khốc liệt về phí giao dịch, sản phẩm và dịch vụ nhằm củng cố và chiếm lĩnh thứ hạng thị phần. Trong bối cảnh đó, chứng khoán MB vẫn không ngừng nỗ lực và sáng tạo, tìm kiếm những giải pháp để nâng cao trải nghiệm khách hàng, xây dựng và phát triển những sản phẩm mới đem lại nhiều tiện ích, gia tăng tài sản và cơ hội đầu tư cho cổ đông, đối tác. Các sản phẩm công nghệ mới ra mắt và được cải tiến liên tục đã nhận được sự quan tâm và yêu thích của đông đảo nhà đầu tư thế hệ mới như MBS Mobile App, nền tảng giao dịch S24, bản tin tư vấn trực tuyến trên kênh Youtube Chứng khoán MB... phần nào minh chứng cho sự chuyển mình và thích nghi nhanh chóng với mọi hoàn cảnh của MBS. Chính sự đoàn kết, sáng tạo và không ngừng học hỏi của con người MBS đã tạo nên những cơ hội mới trong vô vàn thách thức, giúp MBS tăng tốc trên con đường chuyển đổi số với nền tảng vững vàng, đem lại kết quả kinh doanh vượt bậc và rực rỡ nhất trong vòng 10 năm vừa qua.

CHƯƠNG 01

Tổng quan về MBS

Giới thiệu chung	16
Lĩnh vực hoạt động	16
Mạng lưới	17
Sơ đồ tổ chức	18
Thông tin dành cho cổ đông	20
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	22
BAN KIỂM SOÁT	24
BAN ĐIỀU HÀNH	26
Quản trị rủi ro	28

Giới thiệu chung

Ngày thành lập	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu
11/05/2000	2.676.183.240.000 VNĐ	3.411.545.908.108 VNĐ

Trụ sở:
Tầng 7-8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Hà Nội.

Mã cổ phiếu: MBS
Niêm yết tại SGDCK Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động

- Môi giới chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán
- Tư vấn đầu tư chứng khoán
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán

Mạng lưới

Khu vực phía bắc

Hội Sở
Địa chỉ: Tầng 7 - 8, Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Website: www.mbs.com.vn

Sở Giao dịch 01
Tầng 3, Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 7304 7575

Chi nhánh Hà Nội
Địa chỉ: Tầng 05, Tòa nhà Thăng Long, 98A Ngụy Như Kon Tum, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: +84 24 7304 7373, máy lẻ 8299.

Chi nhánh Hải Phòng
Địa chỉ: Tầng 3, Tòa nhà MB, Số 6 - Lô 30A, Lê Hồng Phong, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Điện thoại: +84 22 5382 1886, máy lẻ 101

Khu vực phía nam

Văn phòng Khu vực phía nam
Địa chỉ: Tầng 6, Tòa nhà Sunny, số 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 28 3920 3388, máy lẻ 100.

Chi nhánh Hồ Chí Minh
Địa chỉ: Tầng 5, Tòa nhà Sunny, số 259 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 28 3920 3388, máy lẻ 176.

Chi nhánh Sài Gòn
Địa chỉ: Tầng 9, Tòa nhà Havana, 132 Hàm Nghi, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại: +84 28 7304 7575, máy lẻ 8620.

Chi nhánh Bắc Sài Gòn
Địa chỉ: Tòa nhà Prince Residence, Số 17-19-21 Nguyễn Văn Trỗi, Quận Phú Nhuận, TP. HCM
Điện thoại: +84 28 7304 7575, máy lẻ 8747

Sơ đồ tổ chức

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Ban Kiểm soát
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Các uỷ ban thuộc Hội đồng Quản trị
Văn phòng Hội đồng quản trị
Phòng Kiểm toán nội bộ
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TMO
Các đơn vị kinh doanh
Khối Dịch vụ Chứng khoán
Khối Kinh doanh số
Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư
Khối Đầu tư
Các đơn vị hỗ trợ
Khối Tài chính
Khối Nhân sự
Khối Công nghệ Thông tin
Khối Vận hành
Khối Quản trị rủi ro và tuân thủ
Khối Nghiên cứu
Các chi nhánh

Thông tin dành cho cổ đông

Cổ phần

Nội dung	Số lượng cổ phần
Tổng số lượng cổ phần MBS	267,618,324
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	258,291,023
Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	9,327,301

Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu > 5%	1	212,552,127	79.42%
Ngân hàng TMCP Quân đội	1	212,552,127	79.42%
Cổ đông có tỷ lệ sở hữu < 5%	16,049	55,066,197	20.58%
TỔNG CỘNG	**16,050**	**267,618,324**	**100%**

Cơ cấu cổ đông theo loại hình

Cổ đông	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Tổng cộng	Tỷ lệ sở hữu
I. Cổ phiếu quỹ	-	28,859	28,859	0.01%
II. Cổ đông khác				
Tổ chức trong nước	-	212,838,329	212,838,329	79.53%
Cá nhân trong nước	9,327,301	43,862,697	53,189,998	19.88%
Tổ chức nước ngoài	-	1,416,449	1,416,449	0.53%
Cá nhân nước ngoài	-	144,689	144,689	0.05%
Cổ đông Nhà nước	-	-	-	0%
TỔNG CỘNG	**9,327,301**	**258,291,023**	**267,618,324**	**100%**

Giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm 2021

Nội dung	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 01/01/2021	Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi (tăng) trong kỳ	Số lượng cổ phiếu quỹ tại 24/01/2022
Số lượng cổ phiếu quỹ	9,554	19,305	28,859

Ghi chú:
-Số lượng cổ phiếu quỹ thay đổi do mua lại cổ phiếu lô lẻ của nhà đầu tư;
-Số liệu trong bảng này được ghi nhận theo danh sách chốt ngày 24/01/2022 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Lê Viết Hải - Chủ tịch HĐQT

Ông Lê Viết Hải hiện là Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Quân đội (MB). Ông Hải tốt nghiệp Đại học chuyên ngành Tài chính tín dụng và bảo vệ Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh tại trường Đại học California Miramar, Mỹ. Ông Hải có trên 25 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội với các trọng trách được giao như GĐ Chi nhánh Hoàng Quốc Việt, GĐ Khối SME, GĐ Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ, Chánh VP HĐQT. Với cương vị Chủ tịch HĐQT MBS, Ông Hải đã chỉ đạo công ty thực hiện nhiều chương trình lớn như đổi mới mô hình tổ chức, xây dựng chiến lược kinh doanh, thực hiện chuyển đổi số toàn diện, tái cơ cấu các hoạt động kinh doanh và hỗ trợ giúp tăng cường hiệu quả hoạt động toàn Công ty và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

Ông Vũ Thành Trung - Phó Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Thành Trung tốt nghiệp chuyên ngành Kinh tế đối ngoại tại Đại học Ngoại thương Hà Nội và Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh chuyên ngành tài chính tại trường International University of Japan. Với kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, ông Trung từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý Quỹ đầu tư MB, Phó Giám đốc Ban đầu tư Ngân hàng TMCP Quân đội (MB), Chánh văn phòng CEO MB. Hiện tại, với cương vị là thành viên Ban Điều hành kiêm Giám đốc Khối Ngân hàng số MB, Phó Chủ tịch HĐQT của MBS, ông Trung có nhiều đóng góp vào quá trình thực hiện chuyển đổi số của MB và MBS. Ngoài ra, ông Trung tham gia chỉ đạo các hoạt động kinh doanh, CNTT, phát triển các sản phẩm liên kết, bán chéo, thúc đẩy quan hệ hợp tác MBS - MB.

Ông Trần Hải Hà - Thành viên HĐQT

Ông Trần Hải Hà hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS. Ông Hà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Tài chính ngân hàng và bảo vệ Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại trường Đại học Toulonvar, Cộng hòa Pháp. Ông Hà đã có 20 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

Ông Hà giữ vai trò then chốt và quan trọng trong quá trình điều hành và phát triển MBS, giúp MBS khẳng định vị thế của một công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đặc biệt, Ông Hà đã điều hành công ty, xây dựng và triển khai thành công Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015 - 2020, đạt nhiều kết quả tích cực với quy mô và lợi nhuận tăng trưởng mạnh, thực hiện điều chỉnh mô hình tổ chức theo hướng tối ưu, không ngừng phát triển các mảng kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ mới và tăng trải nghiệm khách hàng. Ông Hà từng đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch Hiệp Hội Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB).

Bà Trần Thị Kim Thanh - Thành viên HĐQT

Bà Trần Thị Kim Thanh nguyên là Phó Giám đốc Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB). Bà Kim Thanh bảo vệ Thạc sĩ tại Đại học Ngoại thương. Với chuyên môn và kinh nghiệm công tác lâu năm trong ngành Tài chính – Ngân hàng, bà Thanh từng giữ nhiều vị trí quan trọng như Trưởng phòng Vốn, Trưởng phòng Đầu tư tại Ngân hàng Vietcombank. Trong thời gian là thành viên HĐQT MB, bà Thanh từng tham gia cho ý kiến về các nghị quyết, quyết định tái cơ cấu, sắp xếp lại các Công ty thành viên, phương thức quản trị các Công ty thành viên theo mô hình Tập đoàn, tham gia việc theo sát các khuyến nghị của đối tác tư vấn chiến lược MB đảm bảo Chiến lược tập đoàn được triển khai hiệu quả.

Bà Nguyễn Minh Hằng - Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Minh Hằng hiện là Giám đốc Khối đầu tư của Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB). Bà Minh Hằng tốt nghiệp chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính đồng thời bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Ngân hàng - Tài chính tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội. Bà Minh Hằng có nhiều năm gắn bó với MB với các chức danh như Trưởng phòng Quản lý tín dụng Hội sở, Phó Giám đốc Khối Quản trị rủi ro. Bà Minh Hằng đã tham gia nhiều dự án trọng điểm của MB và có đóng góp tích cực giúp hoạt động quản trị rủi ro của MB an toàn, hiệu quả, tiệm cận thông lệ quốc tế. Là Thành viên HĐQT MBS, bà Hằng tham gia chỉ đạo Công ty thực hiện đổi mới mô hình hoạt động, đóng góp nhiều đối với công tác quản trị rủi ro và hoạt động bán chéo với MB Group.

BAN KIỂM SOÁT

Bà Phạm Thị Hoa
Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Hoa hiện là Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hoa tốt nghiệp và bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Bà Hoa có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Phó Giám đốc Chi nhánh Điện Biên Phủ, Phó Giám đốc Khối Kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh
Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh hiện là Chuyên gia, Phòng Tài chính, Khối Tài chính Kế toán, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Quỳnh tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và bảo vệ Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh tại Viện Quản trị & Công nghệ FSB, Đại học FPT. Bà Quỳnh có 6 năm kinh nghiệm tại Công ty Quản lý Quỹ đầu tư MB (MB Capital) và hơn 10 năm gắn bó với Ngân hàng TMCP Quân đội.

Bà Vũ Thị Hương - Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hương hiện là Chuyên gia, Cơ quan Kiểm toán nội bộ, Ngân hàng TMCP Quân đội. Bà Hương tốt nghiệp trường Đại học Hà Nội, ngành Quản trị tài chính với 4 năm kinh nghiệm tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và nhiều năm kinh nghiệm tại Ngân hàng TMCP Quân đội.

BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Trần Hải Hà - Tổng Giám đốc

Ông Trần Hải Hà hiện là Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc MBS. Ông Hà tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành tài chính ngân hàng và bảo vệ Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị tại trường Đại học Toulonvar, Cộng hòa Pháp. Ông Hà đã có 20 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán.

Ông Hà giữ vai trò then chốt và quan trọng trong quá trình điều hành và phát triển MBS, giúp MBS khẳng định vị thế của một công ty chứng khoán lớn trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Đặc biệt, ông Hà đã điều hành công ty, xây dựng và triển khai thành công Chiến lược kinh doanh giai đoạn 2015 - 2020, đạt nhiều kết quả tích cực với quy mô và lợi nhuận tăng trưởng mạnh, thực hiện điều chỉnh mô hình tổ chức theo hướng tối ưu, không ngừng phát triển các mảng kinh doanh, sản phẩm, dịch vụ mới và tăng trải nghiệm khách hàng. Ông Hà từng đảm nhiệm vai trò là Phó Chủ tịch Hiệp Hội Đầu tư và Kinh doanh chứng khoán Việt Nam (VASB).

Bà Phùng Thị Thanh Hà - Phó Tổng Giám đốc

Bà Phùng Thị Thanh Hà hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách công tác quản trị rủi ro, nghiệp vụ, pháp chế của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Hà tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế tại trường Đại học Méditerranée - Aix Marseille II (Pháp) chuyên ngành quản trị doanh nghiệp. Bà Hà có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp đáng kể trong việc xây dựng và vận hành hệ thống quản trị rủi ro của MBS đảm bảo tái cấu trúc thành công, góp phần vào việc đưa MBS trở thành công ty chứng khoán có vị thế trên thị trường. Trước khi làm việc tại MBS, bà Hà từng giữ nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng TMCP Quân đội như Trưởng Bộ phận tái thẩm định SME, Trưởng Bộ phận tái thẩm định Khách hàng cá nhân, Phó phòng Thẩm định Hội sở và Trưởng phòng Quản trị rủi ro tại MBS.

Ông Lê Thành Nam - Phó Tổng Giám đốc

Ông Lê Thành Nam hiện là Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khu vực phía nam của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Nam tốt nghiệp trường Đại học Bách Khoa Hà Nội chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp. Giữ cương vị phụ trách hoạt động của MBS tại Khu vực phía Nam, ông Nam đã xây dựng và thu hút được được đội ngũ môi giới lớn mạnh, tâm huyết, đem lại nhiều bước đột phá về kết quả kinh doanh, góp phần phát triển thương hiệu cũng như mở rộng thị phần của MBS tại khu vực phía nam. Trước khi về MBS, ông Nam từng có nhiều năm đảm nhiệm các chức vụ quan trọng tại các doanh nghiệp như: Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc điều hành Công ty CP Dịch vụ thương mại Giấy Việt; thành viên HĐQT Công ty CP DIC số 4; thành viên HĐQT Công ty địa ốc Hoàng Quân và thành viên HĐQT Công ty CP Thuốc thú y Cai Lậy.

Ông Lê Văn Tuấn - Thành viên Ban điều hành

Ông Lê Văn Tuấn hiện là thành viên Ban Điều hành, phụ trách Công nghệ thông tin của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ tại trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội chuyên ngành công nghệ thông tin, thạc sĩ Quản trị kinh doanh Đại học Benedictine USA. Ông Tuấn có nhiều năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đặc biệt trong ngành tài chính và từng tham gia nhiều dự án lớn về quản trị và phát triển hệ thống CNTT của Ngân hàng MB. Ông Tuấn đã có những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ và hệ thống công nghệ thông tin, góp phần giúp MBS đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình chuyển dịch số. Trước khi công tác tại MBS, ông Tuấn từng giữ nhiều vị trí quan trọng mảng công nghệ tại Ngân hàng TMCP Quân đội như: Phó Giám đốc Trung tâm CNTT, Giám đốc Trung tâm Phát triển - Khối Công nghệ thông tin và Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin.

Bà Nguyễn Kim Chung - Giám đốc Tài chính

Bà Nguyễn Kim Chung hiện là Giám đốc Tài chính của Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Bà Chung tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Học viện Tài chính, có chứng chỉ kế toán viên chuyên nghiệp (CA) và CPIA Australia. Bà Chung có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng đảm nhiệm nhiều vị trí tại MBS như Trưởng Ban Kiểm soát, Trưởng sàn giao dịch, Trưởng phòng Nghiệp vụ.

Quản trị rủi ro

Tổng quan hoạt động quản trị rủi ro

Quản trị rủi ro thông minh và đồng hành cùng kinh doanh là nền tảng quan trọng trong thời kỳ thực hiện chiến lược mới của MBS. Công ty luôn hướng tới tổ chức hoạt động quản lý rủi ro tiệm cận thông lệ quốc tế, công ty áp dụng mô hình ba tuyến phòng vệ trong đó các tuyến phòng thủ hoạt động khách quan, chủ động và sáng tạo nhằm phát hiện kịp thời và ngăn chặn các sự kiện rủi ro có thể phát sinh gây thiệt hại cho Công ty.

Công ty luôn quán triệt trên toàn hệ thống, từ định hướng của Hội đồng quản trị tới hoạt động của các phòng ban đơn vị và từng nhân sự về văn hóa rủi ro và văn hóa tuân thủ, nhằm đảm bảo công ty đạt được mục tiêu kinh doanh hiệu quả, bền vững và gắn liền với lợi ích của khách hàng.

Rủi ro thị trường

Công tác theo dõi cập nhật tình hình thị trường, tình hình cổ phiếu và dự báo sớm được các đơn vị phối hợp chặt chẽ nhịp nhàng. MBS đẩy mạnh việc giám sát và cảnh báo rủi ro thị trường thông qua xây dựng các mô hình và kịch bản ứng phó với rủi ro trong từng điều kiện biến động.

Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán hiện diện trong nhiều hoạt động của công ty nhưng trọng yếu nhất là hoạt động kinh doanh giao dịch ký quỹ khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện nhưng không đầy đủ nghĩa vụ như đã cam kết. Để kiểm soát hiệu quả rủi ro thanh toán MBS thực hiện tự động hoá Quy trình dịch vụ tài chính lên hệ thống phần mềm CPM, đồng thời xây dựng và rà soát danh mục cho vay thường xuyên, sử dụng các công cụ báo cáo giám sát tự động để kiểm soát chất lượng các khoản giao dịch ký quỹ của Khách hàng. Kết quả MBS tiếp tục giữ vững 08 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu

Rủi ro thanh khoản

MBS luôn chú trọng điều hành hoạt động nguồn vốn đảm bảo thanh khoản và và hiệu quả về mặt chi phí. Công ty tăng cường thiết lập quan hệ với các ngân hàng uy tín trong nước và mở rộng vay vốn nước ngoài để đảm bảo nguồn vốn ổn định và luôn dự phòng hạn mức giải ngân linh hoạt kịp thời. Hệ thống các tiêu chí và báo cáo giám sát thanh khoản, giám sát hiệu quả sử dụng vốn đã được thiết lập để giám sát hàng ngày và định kỳ theo tần suất phù hợp, hỗ trợ Ban lãnh đạo ra quyết định kinh doanh nhanh chóng kịp thời, đảm bảo cân bằng giữa hiệu quả và rủi ro.

Rủi ro công nghệ thông tin

Trong xu hướng chuyển dịch số mạnh mẽ về kinh doanh và vận hành tại MBS, quản lý rủi ro công nghệ thông tin là một trong những mục tiêu được MBS nhận diện và ưu tiên hàng đầu. Công ty đã thực hiện đồng loạt các giải pháp đầu tư công nghệ, nâng cấp hạ tầng firewall, đầu tư nguồn lực con người và quy trình để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị an ninh an toàn thông tin. MBS xây dựng quy trình và kịch bản xử lý rủi ro hoạt động nói chung - rủi ro CNTT nói riêng, thường xuyên theo dõi đánh giá khả năng quản lý an toàn, hiệu quả và cảnh báo sớm rủi ro.

Rủi ro uy tín – thương hiệu

MBS hiểu rõ ảnh hưởng của rủi ro thương hiệu đến sự sống còn của Công ty và tầm quan trọng của thương hiệu đến niềm tin của khách hàng, vì vậy Công ty luôn đề cao chữ tín và bảo vệ lợi ích của Khách hàng trong mọi hoạt động kinh doanh.

Công ty nhận định rõ ràng rằng Khách hàng chính là tài sản và giá trị thương hiệu của công ty, từ đó luôn chú trọng nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm Khách hàng tại MBS. Các hoạt động truyền thông nội bộ để kết nối và tăng cường nhận thức về giá trị thương hiệu, ý thức về bảo vệ thương hiệu của Công ty được tổ chức thường xuyên. Đồng thời MBS tăng cường tính minh bạch trong truyền thông và sẵn sàng ứng biến trước những tình huống phát sinh khi đẩy mạnh phát triển các kênh giao dịch số, các chiến lược truyền thông trên các mạng xã hội, các kênh đại chúng.

Chuyển đổi nhanh

Với mong muốn và mục tiêu rõ ràng, MBS đã nhanh chóng chuyển mình thích nghi với xu hướng, đầu tư thời gian và hạ tầng cho hệ thống công nghệ thông tin, sáng tạo và tăng tốc trong việc nghiên cứu và ra mắt loạt sản phẩm công nghệ phục vụ nhà đầu tư, đặc biệt đáp ứng số lượng lớn các nhà đầu tư gia nhập thị trường trong 2 năm vừa qua. Trong chiến lược 5 năm tới, chuyển đổi số vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu để khẳng định vị thế của MBS trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Chuyển đổi cùng nhịp đập thị trường, cùng xu thế chung của toàn cầu không chỉ là hướng đi lâu dài của công ty, mà hơn trên hết để đảm bảo hiệu quả hoạt động và lợi ích bền vững dành cho mỗi cổ đông, khách hàng và đối tác của Chứng khoán MB.

CHƯƠNG 02

Quản trị doanh nghiệp

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của HĐQT 34

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT 36

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của BAN KIỂM SOÁT 37

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH và BAN KIỂM SOÁT 38

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của HĐQT

Thành viên và cơ cấu của HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết	Chức danh tại các tổ chức khác
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT Thành viên không điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 60%	Thành viên HĐQT - Ngân hàng TMCP Quân đội
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT Thành viên không điều hành		Thành viên Ban điều hành, Giám đốc Khối Ngân hàng số - Ngân hàng TMCP Quân đội
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên HĐQT Thành viên không điều hành		Giám đốc Khối Đầu tư - Ngân hàng TMCP Quân đội
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên HĐQT Thành viên độc lập		
Trần Hải Hà	Thành viên HĐQT Thành viên điều hành	Đại diện sở hữu phần vốn góp của MB tại MBS: 40%	

MBS có cơ cấu thành viên HĐQT giàu năng lực và kinh nghiệm trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, kế toán, luật và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên HĐQT luôn có những đóng góp tích cực, nhạy bén và độc lập đối với công việc hoạt động của Công ty.

Hoạt động của HĐQT

HĐQT thường xuyên tổ chức các phiên họp để giải quyết kịp thời các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các cuộc họp HĐQT đều đảm bảo đúng thủ tục theo quy định của Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT MBS.

HĐQT thực hiện trách nhiệm giám sát toàn diện đối với hoạt động điều hành công ty, thường xuyên chỉ đạo và trao đổi với Ban Điều hành trong quá trình triển khai nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, đảm bảo các hoạt động của MBS được tiến hành đúng với Quy định tại Điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và các quy định pháp luật hiện hành. Các Ủy ban trực thuộc HĐQT đã tham mưu cho HĐQT trong các lĩnh vực nhân sự lương thưởng, quản trị rủi ro. HĐQT và BKS đã phối hợp chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ tổ chức các chương trình kiểm tra hoạt động, kiểm toán toàn diện, kiểm toán đột xuất và kiểm toán chuyên đề đối với các đơnvị trong nội bộ, đảm bảo nghiêm túc chấp hành các quy định pháp luật và quy định nội bộ của MBS.

Hoạt động của thành viên HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ độc lập không điều hành

Hiện tại, cơ cấu thành viên HĐQT MBS đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó có 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Tính "độc lập" của các thành viên tuân thủ theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty.

Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

Các Tiểu ban thuộc HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị Công ty theo quy định hiện hành cũng như theo tiêu chuẩn quốc tế, HĐQT đã thành lập 02 tiểu ban trực thuộc HĐQT gồm:

- Ủy ban quản lý rủi ro
- Ủy ban Nhân sự và lương thưởng

Hoạt động của các Tiểu ban trong HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhiệm vụ của các tiểu ban là tư vấn và giúp việc cho HĐQT trong việc duy trì và tăng cường hoạt động Quản lý rủi ro và công tác Nhân sự, lương thưởng, bao gồm:

1. Ủy ban quản lý rủi ro

Ủy ban quản lý rủi ro đã hỗ trợ giám sát các công việc sau:

- Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro, cho ý kiến về chính sách rủi ro phù hợp với chiến lược chung của công ty;
- Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành, tuân thủ các quy định của pháp luật, các khuyến nghị của cơ quan Thanh tra, quy định của MBS, các quyết nghị của HĐQT liên quan đến hoạt động quản trị rủi ro của MBS nhằm giảm thiểu các thiệt hại phát sinh rủi ro, tối đa hóa lợi nhuận của Công ty.
- Đánh giá sự phù hợp trong công tác quản trị rủi ro của MBS theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam, quy định của MBS và định hướng theo thông lệ quốc tế về quản trị rủi ro để đảm bảo các rủi ro của MBS được quản lý và đánh giá một cách khoa học, thống nhất và hiệu quả. Từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm khắc phục các tồn tại, hạn chế trong công tác quản trị rủi ro.
- Đánh giá và đề xuất HĐQT trong việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu quản trị của MBS từng thời kỳ.
- Báo cáo HĐQT hiệu quả của Phòng Quản trị rủi ro và công tác quản trị rủi ro trên toàn hệ thống và đưa ra phương hướng khắc phục.

2. Ủy ban Nhân sự và lương thưởng

- Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự, lương thưởng.
- Phối hợp với Khối Nhân sự theo dõi đánh giá chất lượng nhân sự, xem xét năng lực cán bộ, đặc biệt là những cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí quản lý trong toàn hệ thống.
- Giải quyết các chế độ cho người lao động đảm bảo cạnh tranh và tuân thủ pháp luật

Thành viên, cơ cấu và hoạt động của BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số lượng sở hữu CP MBS	Tỷ lệ %
1	Bà Nguyễn Kim Chung	Trưởng BKS	Bầu làm TV BKS từ 09/12/2011 Không còn làm TV BKS từ 10/04/2021	202,619	0.0757%
2	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng BKS	Bầu làm TV BKS từ 10/04/2021	89	0.00003%
3	Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên BKS	Bầu làm TV BKS từ 28/04/2014	43,000	0.016%
4	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên BKS	Bầu làm thành viên BKS từ 27/04/2017	43,000	0.016%

Trên cơ sở các quy định của Pháp luật, quy định của MBS, Ban Kiểm soát đã tổ chức triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2021 với các nội dung chính như sau:

- Thực hiện các nhiệm vụ giám sát theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), gồm: Giám sát thực thi chiến lược; giám sát tài chính, hoạt động quản lý rủi ro; giám sát hoạt động đầu tư mua bán tài sản và thuê ngoài; giám sát hoạt động xử lý thu hồi nợ xấu; giám sát hoạt động giao dịch với công ty mẹ, giao dịch với các bên liên quan; giám sát triển khai hoạt động kinh doanh mới và tuân thủ Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Xây dựng cơ chế báo cáo giám sát đối với HĐQT/BĐH định kỳ theo tháng/quý. Kịp thời kiến nghị HĐQT/BĐH tuân thủ các chỉ tiêu an toàn tài chính và giới hạn đầu tư theo quy định của Pháp luật; khuyến nghị thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động kinh doanh của công ty.
- Tham gia đóng góp ý kiến trong việc ban hành các quy định nội bộ của công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và hạn chế rủi ro.
- Thẩm định báo cáo tài chính định kỳ 6 tháng và 1 năm theo đúng quy định của Pháp luật và quy định nội bộ.
- Chỉ đạo tổ chức triển khai và hoàn thành kế hoạch hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2021. Chỉ đạo KTNB trình ban hành Chiến lược kiểm toán giai đoạn 2021-2025. Tuyển dụng và đào tạo nâng cao năng lực nguồn nhân sự kiểm toán nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm toán theo quy định của Pháp luật và thông lệ quốc tế.
- Tổ chức cuộc họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật. Thông qua các cuộc họp, BKS đã tổng hợp, đánh giá một cách đầy đủ, toàn diện về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; Kết quả quản trị và điều hành của HĐQT, BĐH và đưa ra các kiến nghị cần thiết.

Các thành viên trong BKS đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BAN ĐIỀU HÀNH và BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ chi trả lương, thù lao, thưởng

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/MBS/ĐHĐCĐ-NQ ngày 10/04/2021.
- Quy chế lương và đãi ngộ của công ty
- Quy chế chi tiêu nội bộ
- Quy chế khen thưởng, phúc lợi của Công ty

STT	Họ tên	Chức danh	Chuyên trách	Không chuyên trách	Hưởng lương	Hưởng thù lao	Hưởng thưởng tháng 13	Hưởng phúc lợi
1	Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch HĐQT		x		x	x	x
2	Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch HĐQT		x		x	x	x
3	Ông Trần Hải Hà	Thành viên thường trực	x			x	x	x
4	Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên		x		x	x	x
5	Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên độc lập	x			x	x	x
6	Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng Ban KS	x			x	x	x
7	Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên		x		x	x	x
8	Bà Vũ Thị Hương	Thành viên		x		x	x	x
9	Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc	x		x		x	x
10	Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
11	Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	x		x		x	x
12	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên BĐH	x		x		x	x

Các khoản lợi ích khác

Chế độ bảo hiểm sức khỏe, chế độ khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ sử dụng ô tô, chế độ sử dụng điện thoại, chế độ công tác phí.

Hiệp lực cùng bứt phá

Trong suốt năm 2021 nhiều thử thách, mỗi con người MBS là một phần không thể thiếu trong tập thể đoàn kết, đồng tâm hiệp lực, chung vai sát cánh, thống nhất về ý chí và hành động để hướng tới mục tiêu chung. Kết quả kinh doanh vượt trội của MBS trong 2021 chính là thành quả bước đầu cho mọi nỗ lực không ngừng nghỉ của Ban lãnh đạo cũng như tập thể CBNV công ty.

Không những thế, là một thành viên của hệ sinh thái MB Group, Chứng khoán MB có lợi thế lớn trong việc tích hợp các giá trị của hệ sinh thái tập đoàn, giúp khách hàng/ đối tác có nhiều quyền lợi lớn trong việc hợp tác, đầu tư với đa dạng các sản phẩm tài chính hấp dẫn nhất và an toàn nhất. Hiệp lực tập đoàn là một trong những yếu tố giúp chúng tôi vững vàng trước bất cứ giông bão nào, cũng là yếu tố đảm bảo an toàn và hiệu quả đầu tư cho chính các khách hàng tìm đến với chứng khoán MB.

CHƯƠNG 03

Kết quả hoạt động kinh doanh 2021 và Định hướng chiến lược 2022

Tổng quan thị trường chứng khoán năm 2021 44

Báo cáo của HĐQT 46

Báo cáo của BAN ĐIỀU HÀNH 52

Báo cáo của BAN KIỂM SOÁT 56

Định hướng chiến lược 2022 58

Tổng quan thị trường chứng khoán 2021

Tình hình kinh tế vĩ mô

Kinh tế - xã hội năm 2021 của nước ta diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng phục hồi khi các nước đồng loạt đẩy mạnh chương trình tiêm chủng vắc-xin phòng chống dịch Covid-19, tuy nhiên sự xuất hiện các biến chủng mới khiến quá trình phục hồi kinh tế có dấu hiệu chậm lại.

Đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm tăng giá nguyên liệu sản xuất, đây là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia.

Giá nhiều mặt hàng tăng mạnh so với năm 2020, lạm phát gia tăng nhưng nhìn chung vẫn được kiểm soát trên toàn thế giới. Bên cạnh đó, đại dịch đã gây tắc nghẽn trong chuỗi giá trị toàn cầu làm tăng giá nguyên liệu sản xuất, đây là thách thức không nhỏ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các quốc gia. Nền kinh tế nước ta năm 2021 vẫn giữ được mức tăng trưởng, tuy không đạt được mục tiêu đề ra nhưng an sinh xã hội được đảm bảo, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát kiểm soát ở mức thấp.

Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong Quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Bình quân năm 2021 CPI tăng 1,84% so với bình quân năm 2020, mức tăng bình quân năm thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2021 tăng 0,81% so với bình quân năm 2020.

Thị trường chứng khoán

Chỉ số VN-Index lọt TOP 7 các chỉ số có mức tăng trưởng mạnh nhất trên toàn cầu. Thanh khoản thị trường lập kỷ lục chưa từng có trong lịch sử nhờ lượng tài khoản mở mới liên tục tăng. Năm 2021 có thể coi là một năm thăng hoa của thị trường khi hầu hết các cổ phiếu đều tạo nền giá cao hơn so với thời điểm đầu năm.

Giá trị giao dịch bình quân năm 2021 đạt

26.662 tỷ VNĐ/phiên

Tại thời điểm 31/12/2021, chỉ số VN-Index đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,7% so với cuối năm trước trong bối cảnh các chỉ số chứng khoán toàn cầu tăng trưởng mạnh, thị trường chứng khoán Mỹ tăng gần 30%. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 7,77 triệu tỷ đồng, tăng 46,8%, đạt 123% so với GDP 2020 chưa điều chỉnh, 92,6% so với GDP đã điều chỉnh. Số lượng nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán đạt mức kỷ lục, trên 1,5 triệu tài khoản, bằng 4 năm trước đó cộng lại.

Giá trị giao dịch bình quân năm 2021 đạt 26.662 tỷ đồng/phiên, gấp 3,59 lần bình quân cả năm 2020, đặc biệt giá trị giao dịch chứng khoán trong tháng 9/2021 liên tục đạt trên 1 tỷ USD, có những phiên lên tới 2 tỷ USD.

Báo cáo của HĐQT

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty trong năm 2021

Trong điều kiện thị trường chứng khoán tương đối tích cực nhưng môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBNV MBS đã nỗ lực, có nhiều sáng kiến trong hoạt động kinh doanh, đạt nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

HĐQT đã chỉ đạo thực hiện một số điều chỉnh lớn trong hoạt động quản trị - điều hành như:

01

Hoàn thành xây dựng Chiến lược MBS giai đoạn năm 2022 – năm 2026.

02

MBS xác định rõ Tầm nhìn trở thành Công ty chứng khoán có nền tảng giao dịch và chất lượng tư vấn tốt nhất Việt Nam; Mục tiêu nằm trong Top 3 thị trường chứng khoán Việt Nam về hiệu quả hoạt động và Top 5 thị trường chứng khoán Việt Nam về thị phần môi giới.

03

Rà soát và điều chỉnh mô hình tổ chức, ban hành chức năng nhiệm vụ của các đơn vị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với chiến lược giai đoạn mới.

04

Triển khai các dự án công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ hoạt động kinh doanh, tối ưu vận hành và nâng cấp hạ tầng công nghệ.

05

Kiện toàn hệ thống các văn bản nội bộ quan trọng.

Những sự điều chỉnh lớn và kịp thời đã giúp Công ty đạt được sự chuyển biến tích cực trong hoạt động và đạt được một số kết quả khả quan

- Lợi nhuận trước thuế năm 2021 tăng trưởng mạnh, đạt mức cao nhất trong 10 năm trở lại đây, vượt 53% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao.

Ba yếu tố chính gồm (1) Kinh tế vĩ mô ổn định, TTCK Việt Nam ngày càng phát triển; (2) Sự tin tưởng của cổ đông, nhà đầu tư và đối tác đối với MBS; (3) Tinh thần nhiệt huyết, đổi mới, sáng tạo, đoàn kết của tập thể cán bộ nhân viên trong công ty đã giúp MBS tăng trưởng ngày càng bền vững, kinh doanh an toàn, hiệu quả và luôn bám sát các mục tiêu dài hạn. Kết quả kinh doanh năm 2021 tích cực, lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 736 tỷ đồng, gấp 2,19 lần so với năm 2020, vượt 53% kế hoạch cả năm. MBS tiếp tục sử dụng hiệu quả Vốn chủ sở hữu với ROE đạt 21,2%, gấp 1,56 lần so với năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt

736 tỷ VNĐ

vượt 53% kế hoạch

- Chuyển đổi số mạnh mẽ hoạt động môi giới, sắp xếp tổ chức hoạt động tại các chi nhánh phù hợp, hiệu quả

MBS đã chuyển đổi nhanh, đúng định hướng mô hình tổ chức kinh doanh hoạt động môi giới gồm 3 kênh: Khách hàng đại chúng, Kênh truyền thống có Broker và Khách hàng cao cấp. Công ty đã đầu tư mạnh vào công nghệ, nâng thứ hạng về công nghệ của MBS so với đối thủ cạnh tranh ở mức vượt bậc. MBS triển khai các công cụ và sản phẩm hướng đến tối ưu nhu cầu của người dùng, đồng thời đẩy mạnh hệ thống công cụ quản trị/ hỗ trợ môi giới quản trị Khách hàng. Đối với hoạt động tại các chi nhánh, MBS đã sắp xếp lại các chi nhánh, sáp nhập các phòng, giảm tỷ lệ cán bộ quản lý đảm bảo tinh gọn, tăng năng suất.

- Tư vấn hiệu quả, quản lý tài sản của nhà đầu tư an toàn, minh bạch. Tổ chức nhiều chương trình phân tích tài chính, khóa đào tạo trực tuyến cho nhà đầu tư

Đội ngũ chuyên gia tư vấn của MBS luôn bám sát thị trường, dự báo đúng xu hướng, khuyến nghị các cơ hội đầu tư sinh lời nhưng vẫn đảm bảo an toàn và giảm thiểu rủi ro thất thoát tài sản cho nhà đầu tư. Trong đó nổi bật là chương trình "Đào tạo đầu tư thực chiến cùng MBS" được livestream trực tiếp trên facebook và kênh "Tiêu điểm chứng khoán cuối tuần" được livestream trực tiếp trên youtube. MBS cũng phối hợp với UBCK, HSX, HNX, VSD... để thực hiện các chương trình đào tạo cho khách hàng, thường xuyên cung cấp các bài viết và trả lời phỏng vấn trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm quảng bá và phát triển thương hiệu MBS.

Báo cáo của HĐQT *(Tiếp theo)*

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của công ty trong năm 2021

- MBS chủ động quản trị rủi ro an toàn hiệu quả, không phát sinh nợ xấu trong nhiều năm liên tiếp

Trong năm 2021, nhờ việc tuân thủ mô hình quản trị rủi ro theo 3 tuyến phòng thủ và khẩu vị rủi ro chặt chẽ đã giúp MBS duy trì tỷ lệ nợ xấu bằng 0 trong khi hoạt động dịch vụ tài chính vẫn tăng trưởng mạnh. Đồng thời, hệ thống quản trị rủi ro trên mọi khía cạnh của Công ty tiếp tục phát huy hiệu quả, đảm bảo an toàn hoạt động.

- Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực, hoàn thiện cơ chế lương và đãi ngộ theo năng suất nhằm nuôi dưỡng động lực cho nhân viên và thu hút nhân sự chất lượng cao trên thị trường.

MBS tin rằng đội ngũ nhân sự chính là nguồn tài sản quý giá nhất. Nhận thức rõ tính cạnh tranh của doanh nghiệp xuất phát từ nguồn nhân lực, Công ty luôn nỗ lực thực hiện nhiều biện pháp để tạo nên một môi trường làm việc chuyên nghiệp, đoàn kết, sáng tạo và sẵn sàng chinh phục mọi khó khăn thử thách.

Bằng việc đa dạng hóa các kênh tuyển dụng và các chương trình đào tạo cho nhiều đối tượng khác nhau, chất lượng nhân sự tại MBS đã và đang tiếp tục được nâng cao. Số lượng nhân sự đến cuối năm 2021 là 675 người.

675 nhân sự đến cuối năm 2021

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của BAN ĐIỀU HÀNH

Căn cứ vào Điều lệ, HĐQT giao quyền cho Ban Điều hành quyết định các công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, đồng thời tổ chức thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và phương hướng hoạt động do ĐHĐCĐ và HĐQT giao.

Thông qua cơ chế kiểm tra, giám sát bằng báo cáo định kỳ hàng tháng, hàng quý về kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu, HĐQT đánh giá Ban Điều hành đã thực hiện tốt các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Cổ đông. Ban Điều hành đã chú trọng nâng cao công tác quản lý, quản trị rủi ro và kiểm soát rủi ro. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền và đúng quy định của Điều lệ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động đoàn thể, phát triển văn hóa doanh nghiệp được tăng cường, tạo được môi trường đoàn kết gắn bó tại Công ty.

Báo cáo của HĐQT *(Tiếp theo)*

Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2022

Trong năm 2022, HĐQT thống nhất tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

Về chiến lược

Năm 2022, MBS triển khai thực hiện các sáng kiến chiến lược đã được phê duyệt nhằm mục tiêu đưa MBS trở thành CTCK Top 3 về hiệu quả hoạt động, Top 5 về thị phần môi giới.

Về tổ chức quản trị

Nâng cao chất lượng bộ máy quản trị điều hành của HĐQT – BĐH, phát huy vai trò của các Ủy ban và cơ quan hỗ trợ cho HĐQT.

Về sản phẩm - dịch vụ

Phát huy thế mạnh của những sản phẩm và dịch vụ hiện có, đồng thời đầu tư nghiên cứu và phát triển các sản phẩm và dịch vụ mới, cụ thể:

- Tập trung nâng cấp App MBS với các tính năng nổi trội, cung cấp các sản phẩm/ dịch vụ đa dạng của MBS trên các kênh online, tối ưu trải nghiệm Khách hàng.
- Hoạt động nghiên cứu, tư vấn cũng được chú trọng đầu tư về chất lượng, triển khai qua các kênh website, fanpage, youtube...
- Cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian cung cấp sản phẩm/ dịch vụ.

Về định hướng kinh doanh

- Mục tiêu kinh doanh: Doanh thu trên 3.000 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 1.100 tỷ đồng; ROE tối thiểu 21%; tiếp tục triển khai giải pháp về thị phần;
- Tập trung tăng hiệu quả các hoạt động kinh doanh cốt lõi (dịch vụ môi giới bao gồm kênh môi giới truyền thống – kênh online – khách hàng cao cấp – khách hàng tổ chức; dịch vụ ngân hàng đầu tư; đầu tư tự doanh cổ phiếu và chứng quyền, kinh doanh trái phiếu...);

Về công nghệ

Xu hướng sử dụng các sản phẩm dịch vụ trực tuyến ngày càng trở nên phổ biến, từ đầu tư tài chính/ chứng khoán, mua sắm, trao đổi thông tin người dùng mong đợi tiếp cận dịch vụ mọi lúc, mọi nơi và trên mọi thiết bị. Theo đó, MBS sẽ tiếp tục đầu tư chuyển đổi số nhanh và chất lượng nhằm mang đến cho khách hàng hệ thống giao dịch hiện đại. Đồng thời, MBS sẽ triển khai hệ thống các phần mềm phục vụ công tác quản trị nội bộ để nâng cao hiệu quả công việc và giảm thiểu rủi ro hoạt động.

Về chính sách nhân sự và đào tạo

Với phương châm con người là nguồn lực cốt lõi của công ty, năm 2022 công ty sẽ chú trọng vào các hoạt động văn hóa doanh nghiệp và phát triển nguồn lực nội bộ như đào tạo chuyên sâu, đào tạo tài năng, rà soát và điều chỉnh cơ chế đãi ngộ theo năng lực và thành tích, thuê đối tác tư vấn lương đảm bảo công bằng, cạnh tranh với các tổ chức trên thị trường và thu hút nhân sự tốt cho MBS.

Báo cáo của BAN ĐIỀU HÀNH

Các hoạt động kinh doanh cốt lõi tại MBS

Hoạt động Môi giới tăng tốc chuyển đổi số

Trước bối cảnh tăng trưởng của thị trường, kết quả hoạt động môi giới của MBS năm 2021 đã gặt hái được một số kết quả tích cực như sau:

- Dịch vụ tư vấn và chính sách sản phẩm đồng bộ, ngoài ra hành trình trải nghiệm nhằm thấu hiểu khách hàng, công tác chuyển đổi số chứng khoán, đa dạng kênh thu hút khách hàng đã đem lại thành quả số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán cuối năm 2021 của MBS tăng mạnh 159% so với đầu năm.
- Kênh kinh doanh số hoạt động tích cực với việc gia tăng số lượng tài khoản chứng khoán thông qua các chương trình và giải pháp marketing số, chất lượng cung cấp dịch vụ cũng như chăm sóc khách hàng ngày càng được đánh giá cao.
- Giá trị giao dịch toàn thị trường bùng nổ là cơ hội cho các công ty chứng khoán mở rộng quy mô cho vay dịch vụ tài chính. MBS bám sát phương châm kinh doanh an toàn song không bỏ lỡ thời cơ, kết quả dư nợ cho vay đạt mức 7.151 tỷ đồng tại 31/12/2021, tăng trưởng 73% so với đầu năm, tiếp tục duy trì 08 năm liên tiếp không phát sinh nợ xấu.
- Doanh thu từ phí môi giới năm 2021 đạt 931,6 tỷ đồng, gấp 2,7 lần năm 2020. Doanh thu từ các khoản cho vay và dịch vụ khác năm 2021 đạt 646,6 tỷ đồng, gấp 2,03 lần năm 2020.

Doanh thu từ phí môi giới năm 2021 đạt

931,6 tỷ VNĐ

Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư - IB nâng cao uy tín, mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm

- Vị thế hoạt động tư vấn được duy trì, đặc biệt là hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu. Hoạt động tư vấn M&A đạt một số thành tựu như thu xếp huy động vốn quốc tế, giao dịch M&A thành công cho nhà đầu tư nước ngoài và trong nước.
- Nguồn lực tài chính, mạng lưới đối tác trong và ngoài nước, nhân sự chất lượng liên tục được củng cố tạo nền tảng vững chắc đồng thời là giải pháp kinh doanh cho hoạt động tư vấn ngân hàng đầu tư của MBS. Bên cạnh đó, khách hàng truyền thống đa ngành và khai thác thông qua kênh bán chéo đa chiều trong MB Group là tệp khách hàng mục tiêu được MBS tập trung thực hiện tư vấn. Một số khách hàng lớn của MBS: Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc NoVa, Công ty Cổ phần dịch vụ thương mại tổng hợp Vincommerce, Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát... Hoạt động ngân hàng đầu tư tiếp tục củng cố chuỗi giá trị tư vấn, đầu tư và phân phối trái phiếu của MBS trong năm 2021.
- Doanh thu hoạt động tư vấn IB đạt 103 tỷ đồng, bằng 86,3% so với năm 2020. MBS thực hiện tư vấn phát hành thành công trên 19.351 tỷ đồng trái phiếu cho các doanh nghiệp trong năm 2021.

Doanh thu hoạt động tư vấn IB đạt

103 tỷ VNĐ

Hoạt động đầu tư vượt trội, giữ vững uy tín và vai trò tiên phong thị trường về triển khai các sản phẩm mới

- Năm 2021 MBS đã phát hành thành công 4 đợt chứng quyền có bảo đảm (Covered Warrant - CW). Hoạt động phát hành, tạo lập thị trường và phân phối chứng quyền được củng cố bởi hệ thống công nghệ thông tin, vận hành ổn định. MBS tăng cường uy tín đối với khách hàng, thu hút giao dịch và đạt kết quả thanh khoản về CW do MBS phát hành thuộc TOP 4 toàn thị trường năm 2021.
- MBS chủ động quản trị danh mục đầu tư an toàn, đồng thời không ngừng tìm kiếm cơ hội đầu tư, danh mục tự doanh của công ty đem lại tỷ suất sinh lời cao hơn mức tăng trưởng của chỉ số VN-Index.

CW thuộc

TOP 4

toàn thị trường năm 2021

Các nền tảng hỗ trợ kinh doanh

Các nền tảng hỗ trợ kinh doanh của MBS luôn tiên phong và sẵn sàng nâng cao nghiệp vụ, giữ vững vai trò hỗ trợ đắc lực để đem lại hiệu quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021, cụ thể như sau:

Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin và chất lượng tư vấn tốt

- Năm 2021 ghi dấu ấn với hoạt động nghiên cứu của MBS. Các chương trình hội thảo trực tuyến (MBS's Talk), bản tin radio và chuỗi chương trình tư vấn online trên Kênh Youtube được tổ chức định kỳ, thường xuyên thu hút hàng ngàn lượt xem, các bài viết trên các trang báo uy tín, đặc biệt là các báo cáo phân tích thị trường được cập nhật liên tục, nhanh chóng và chính xác, hỗ trợ tích cực cho việc thu hút sự quan tâm của ngày càng nhiều nhà đầu tư.
- Chất lượng tư vấn của MBS trong năm 2021 có tính đột phá với việc định giá phù hợp và tham vấn đầu tư số lượng lớn các mã có cơ hội tăng trưởng tốt trong năm. Các báo cáo kinh tế vĩ mô, báo cáo ngành chuyên sâu và toàn diện giúp nâng cao uy tín hoạt động nghiên cứu của MBS. Báo cáo định kỳ tư vấn đầu tư, nhận định thị trường của MBS được nhà đầu tư đánh giá cao, gắn với mục tiêu hướng tới gia tăng quản trị tài sản của nhà đầu tư.
- Các báo cáo phân tích có giá trị đến từ các chuyên gia của MBS là lựa chọn của nhiều khách hàng là các tổ chức và khách hàng nước ngoài, góp phần gia tăng hiện diện và độ bao phủ của MBS trên thị trường.

Báo cáo của BAN ĐIỀU HÀNH *(Tiếp theo)*

Các nền tảng hỗ trợ kinh doanh

Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng

- MBS tiếp tục phát triển các chức năng hệ thống mobile, hệ thống webtrading, thực hiện thống nhất và triển khai các dự án hỗ trợ kinh doanh, phát triển sản phẩm và tối ưu phục vụ vận hành. Các hoạt động CNTT khác như củng cố và nâng cấp hạ tầng và an ninh công nghệ, quản trị dữ liệu an toàn và tập trung, hỗ trợ mục tiêu quản trị và ra quyết định được chú trọng.
- Hoạt động công nghệ thông tin vận hành theo sát định hướng, ổn định hệ thống và an toàn an ninh hệ thống được đảm bảo, Công ty đã không ngừng tăng cường năng lực xử lý hệ thống, các hệ thống được giám sát vận hành liên tục.
- Một số dự án nổi bật đóng góp vào tăng trưởng hoạt động kinh doanh của MBS như: triển khai Mobile App mới, Webtrading mới, hệ thống eKYC; tự động hóa luồng tiền; triển khai Notify thay thế SMS giúp tối ưu hóa chi phí; dự án bán chéo tập đoàn gồm Onboarding và Wealth Management góp phần mở rộng khai thác được lượng lớn khách hàng từ MBGroup; tối ưu hệ thống core lõi đáp ứng quy mô mở rộng, năng lực xử lý.
- Ngoài ra MBS cũng tập trung triển khai các sản phẩm, giải pháp chuyển đổi số và tối ưu hoạt động vận hành như: Hoàn thành triển khai dự án chuyển tiền nhanh theo tài khoản định danh BIDV, đồng bộ hệ thống mở tài khoản phái sinh tự động, triển khai hệ thống IPCC mới.

Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế tự quản trị và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn.

- Hoạt động quản trị rủi ro chủ động và tiên tiến trong việc giữ vững vai trò tham mưu và giám sát tuân thủ, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong bối cảnh chuyển dịch số toàn diện tại MBS.
- Quản trị rủi ro của MBS hướng tới mục tiêu áp dụng các thông lệ tiên tiến trên thị trường, quản trị rủi ro thông minh với việc ưu tiên sử dụng hệ thống công nghệ thông tin và quản trị dữ liệu hiệu quả.
- MBS nỗ lực và hoàn thành xuất sắc mục tiêu không để phát sinh nợ xấu trước sự tăng trưởng mạnh về dư nợ, giá trị giao dịch toàn thị trường bùng nổ trong năm 2021.
- Ngoài ra, MBS đã tiến hành rà soát & giảm thiểu các sự cố rủi ro, vấn đề truyền thông, rà soát rủi ro hoạt động, đảm bảo hoạt động liên tục trước tình hình dịch bệnh Covid19 diễn biến phức tạp, rà soát văn bản quy định đã ban hành, không phát sinh các khiếu nại khiếu kiện.

Kết luận

Kết quả kinh doanh năm 2021 MBS đã đạt được một số điểm tích cực sau:

MBS duy trì vị thế trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là công ty chứng khoán được lựa chọn hàng đầu đối với nhà đầu tư bởi Công ty không ngừng dịch chuyển nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư. Định vị rõ ràng ưu thế của MBS trên thị trường, Công ty xác lập mục tiêu phát triển bền vững, đa dạng các nguồn thu nhập song hành với quản trị rủi ro vì quyền lợi và mong muốn đồng hành cùng phát triển bên cạnh khách hàng.

Lợi nhuận trước thuế đạt 736 tỷ đồng, tăng trưởng 119% so với năm 2020.

Nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn, ổn định, hỗ trợ tích cực cho chuyển đổi số toàn hệ thống.

Các chỉ tiêu an toàn tài chính luôn đáp ứng theo quy định pháp luật.

Tình hình thanh khoản được đảm bảo tốt, quản trị rủi ro an toàn, không để phát sinh nợ xấu.

Tổ chức và con người đoàn kết gắn bó, thực hiện tốt công tác Đảng, công tác chính trị.

Báo cáo của BAN KIỂM SOÁT

Kết quả hoạt động kinh doanh

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã khép lại một năm 2021 thăng hoa khi hàng loạt chỉ tiêu liên tiếp lập đỉnh lịch sử. Kỷ lục - cụm từ xuất hiện nhiều lần của thị trường chứng khoán Việt Nam trong năm 2021.

Làn sóng Covid-19 lần thứ 4 lan rộng khiến giãn cách xã hội kéo dài, tác động rất tiêu cực tới nền kinh tế nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Thị trường chứng khoán vì thế cũng chịu ảnh hưởng và biến động mạnh, tuy nhiên, thị trường đã liên tiếp ghi nhận các kỷ lục mới do dòng tiền tập trung nhiều ở các tài sản đầu cơ khi sản xuất bị đình trệ, lãi suất ngân hàng xuống mức thấp. Theo đó, kết thúc năm 2021, chỉ số VN-Index đạt 1.498,28 điểm, tăng 35,7% so với cuối năm 2020 với mức thanh khoản trung bình 26.662 tỷ đồng/phiên gấp 359% so với năm 2020.

Với những điều kiện thuận lợi của thị trường trong năm 2021, MBS đã hoàn thành vượt hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ VNĐ

TT	Kết quả kinh doanh	TH 2020	KH 2021	TH 2021	Với cùng kỳ 2020	Với KH 2021
1	Doanh thu	1.122	1.500	2.247	200%	150%
2	Chi phí	786	1.020	1.511	192%	148%
3	Lợi nhuận trước thuế	336	480	736	219%	153%

Về kết quả kinh doanh, Công ty hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận, cụ thể như sau:

Doanh thu đạt

2.247 tỷ VNĐ

hoàn thành 150% so với kế hoạch năm và gấp đôi so với năm 2020

Lợi nhuận trước thuế đạt

736 tỷ VNĐ

hoàn thành 153% so với kế hoạch và tăng 219% so với năm trước

Công ty hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận, các chỉ tiêu quản trị chi phí được kiểm soát tốt.

Hoạt động quản trị và điều hành

Thông qua kết quả giám sát, BKS đánh giá HĐQT/BĐH đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ của công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định nội bộ, cụ thể:

- HĐQT chỉ đạo BĐH thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ tuân thủ theo đúng các hạn mức/giới hạn kinh doanh như: Tỷ lệ đầu tư, hạn mức cho vay; tỷ lệ kiểm soát chi phí.
- Ký hợp đồng và Khởi động Dự án tư vấn xây dựng Chiến lược MBS giai đoạn 2022 - 2026 với BCG.
- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ năm 2021: bầu thay thế TV BKS, thay đổi Điều lệ, Quy chế hoạt động của HĐQT, BKS phù hợp với quy định pháp luật và thực tế vận hành.
- Tiến hành việc tăng vốn qua phương án phát hành cho cổ đông hiện hữu và esop.
- Kịp thời phê duyệt các chính sách, phương án kinh doanh tăng hiệu quả hoạt động, kiểm soát rủi ro, thúc đẩy các đơn vị hoàn thành kế hoạch trong điều kiện thị trường tăng trưởng nóng, gia tăng thị phần.
- Duy trì hoạt động kinh doanh an toàn, thông suốt trong điều kiện dịch bệnh.
- Rà soát và trình HĐQT điều chỉnh mô hình tổ chức, định biên nhân sự phù hợp với thực tế vận hành.

Đối với hoạt động Quản trị điều hành cần lưu ý: Hoạt động môi giới đã có nhiều cải thiện đóng góp lớn vào doanh thu công ty tuy nhiên vẫn chưa đạt mục tiêu thị phần; Hoạt động môi giới khách hàng tổ chức chưa đạt theo chiến lược. Hoạt động kinh doanh trái phiếu, dịch vụ ngân hàng đầu tư- IB chưa hoàn thành kế hoạch năm.

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT/BĐH và các Cổ đông

Cơ chế phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT/ BĐH được thực hiện tốt, cụ thể:

- HĐQT, BĐH đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, quy định nội bộ MBS, vì lợi ích và phát triển của MBS.
- BKS phối hợp với HĐQT chỉ đạo Phòng Kiểm toán nội bộ hoàn thành các chương trình kiểm toán. Định kỳ tháng/quý BKS đều có báo cáo giám sát; báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của công ty gửi HĐQT, BĐH.
- BKS tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các Ủy ban thuộc HĐQT cho ý kiến đối với các tờ trình thuộc thẩm quyền HĐQT, kịp thời đưa ra các ý kiến đóng góp độc lập, khách quan.
- Các ý kiến, kiến nghị của BKS được HĐQT, BĐH ghi nhận, bổ sung và chỉnh sửa hoàn thiện kịp thời, đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.

Trong năm 2021, cơ chế phối hợp giữa Ban kiểm soát và các cổ đông được thực hiện thông qua cơ chế báo cáo về kết quả giám sát hoạt động kinh doanh, thẩm định báo cáo tài chính định kỳ gửi cổ đông, đảm bảo các quyết định của HĐQT/BĐH là phù hợp với pháp luật và bảo vệ lợi ích cổ đông. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra đột xuất theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ MBS.

Định hướng chiến lược 2022

Phương châm hành động năm 2022

- Tăng tốc số
- Hiệp lực tập đoàn
- Hấp dẫn khách hàng
- An toàn bền vững

Mục tiêu kế hoạch năm 2022

Doanh Thu	Tổng chi phí	Lợi nhuận trước thuế
3.027 tỷ VNĐ	1.927 tỷ VNĐ	1.100 tỷ VNĐ

Giải pháp thực hiện kế hoặc năm 2022

1. Đối với hoạt động Môi giới

- Tập trung phát triển khách hàng mới từ hệ sinh thái Tập đoàn.
- Tập trung phân tích hành vi và thấu hiểu khách hàng. Tăng thu hút khách hàng thông qua không ngừng cải tiến sản phẩm, nâng cao chất lượng tư vấn, tăng trải nghiệm khách hàng từ các sản phẩm số.
- Tăng tốc doanh thu đến từ (i) phân khúc khách hàng kênh số, (ii) kênh khách hàng cá nhân cao cấp thông qua chuyển đổi mô hình từ lực lượng môi giới sang quản lý tài sản.
- Tối ưu quy trình, ứng dụng số hóa trong quản lý khách hàng, hỗ trợ bán hàng.

2. Đối với Hoạt động Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

- Tiếp tục thúc đẩy bán chéo Tập đoàn, định hướng hoạt động theo Mô hình IB Tập đoàn.
- Thiết kế quy trình bán sản phẩm IB tối ưu để nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần, tăng doanh số giao dịch.
- Phát triển nhóm tư vấn M&A, thúc đẩy tư vấn DCM, ECM nhằm tạo giá trị chuỗi cho hoạt động Môi giới, Tổ hợp đầu tư và phân phối Trái phiếu

3. Giải pháp về Công nghệ thông tin

- Tiếp tục nâng cao năng lực công nghệ thông tin tăng trải nghiệm khách hàng, giúp khách hàng giao dịch nhanh và thuận tiện nhất.
- Tăng tốc độ chuyển đổi số toàn diện nhằm mục tiêu đem đến cho Khách hàng những thông tin chính xác và kịp thời nhất, đồng thời giúp nhà đầu tư quản trị được danh mục đầu tư thông minh nhất.
- Kết nối trong tập đoàn để khai thác hệ sinh thái theo Chiến lược Tập đoàn, phối hợp tích cực với Tập đoàn triển khai sáng kiến One ID.

4. Giải pháp về Vận hành

- Tiếp tục quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo không phát sinh nợ xấu.
- Đẩy mạnh phân tích dữ liệu hỗ trợ thúc đẩy kinh doanh.
- Tối ưu hóa các quy trình, sản phẩm nhằm tiết kiệm và sử dụng chi phí hiệu quả.
- Kiểm soát chi phí kinh doanh, chi phí hoạt động theo tiêu chuẩn, định mức kế hoạch.
- Tối ưu hóa nhân sự đảm bảo tăng năng suất lao động

CHƯƠNG 04

Báo cáo phát triển bền vững

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững 62

Các chỉ số phát triển bền vững năm 2021 63

Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan 64

Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan 66

Đánh giá các vấn đề trọng yếu 70

Định hướng chiến lược phát triển bền vững 78

Tổng quan về báo cáo phát triển bền vững

Nội dung báo cáo

Chúng tôi sử dụng phương pháp tiếp cận xuất phát từ mục tiêu tăng trưởng kinh tế trong dài hạn của Công ty kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội và bảo vệ môi trường để cung cấp bức tranh tổng quan về những hoạt động quan trọng của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB và các đơn vị trực thuộc Công ty. Nội dung báo cáo có bao gồm các vấn đề trọng yếu mà các bên liên quan quan tâm về chiến lược phát triển bền vững của MBS.

Nguyên tắc xác định nội dung báo cáo

- Gắn kết các bên liên quan
- Bối cảnh phát triển bền vững
- Tính trọng yếu
- Tính đầy đủ

Nguyên tắc xác định chất lượng báo cáo

- Tính chính xác: Mọi thông tin cung cấp trong báo cáo đều được đo lường và tính toán cụ thể. Hạn chế mọi sự ước tính trong phạm vi báo cáo này.
- Tính cân đối: Báo cáo được cân nhắc công bố thông tin minh bạch cả những chỉ tiêu tích cực và tiêu cực (nếu có)
- Tính rõ ràng: Báo cáo được diễn giải và sử dụng ngôn từ dễ hiểu, hạn chế sử dụng các thuật ngữ chuyên môn.
- Khả năng có thể so sánh: Các số liệu trong báo cáo hầu hết đều có so sánh với cùng kỳ trước đó.
- Tính kịp thời: Báo cáo được lập vào tháng 2/2021 để công bố số liệu trong phạm vi từ 1/1/2021 đến 31/12/2021 để đảm bảo tính kịp thời, cập nhật nhất có thể.

Phạm vi và ranh giới của báo cáo

Báo cáo được lập tại Việt Nam trong lĩnh vực chứng khoán, đầu tư kinh doanh tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS).
Giai đoạn báo cáo: từ ngày 01/01/2021 đến hết ngày 31/12/2021.
Các số liệu tài chính trong báo cáo được dẫn chiếu từ Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021. Báo cáo được công bố trực tuyến tại địa chỉ website www.mbs.com.vn

Thông tin liên hệ

Phát triển bền vững là chiến lược trọng yếu của Công ty tác động đến các bên liên quan. Mọi ý kiến đóng góp, thắc mắc liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, vui lòng gửi về địa chỉ:

Phòng Marketing & Truyền thông
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Email: truyenthong@mbs.com.vn
Điện thoại: +84 24 7304 5688
Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh,
Q. Đống Đa, TP. Hà Nội.

Các chỉ số phát triển bền vững năm 2021

STT	Hạng mục	Nội dung	Số liệu	Ghi chú
1	Tăng trưởng kinh tế bền vững	Doanh thu	2.247 tỷ đồng	
		Lợi nhuận trước thuế	763 tỷ đồng	
		Nộp ngân sách nhà nước	Hơn 555 tỷ đồng	
		Cổ tức	Trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20:3 và thực hiện quyền mua cổ phiếu tỷ lệ 7:3	
		Quan hệ nhà đầu tư	Nhiều lượt gặp gỡ	
		Hoàn thành số giờ đào tạo	10. Đào tạo nội bộ: 11.920 giờ 11. Tham gia các khóa đào tạo bên ngoài: 6.032 giờ	
2	Phát triển nguồn nhân lực	Số lượng nhân sự được đào tạo tập trung	~500 nhân sự	Bao gồm cả nội bộ và tham gia khóa đào tạo bên ngoài (Không- bao gồm đào tạo trên Elearning)
		Số lượng khóa đào tạo đã triển khai	63 khóa đào tạo	Bao gồm: Số lượng khóa đào tạo nội bộ: 07 khóa đào tạo 1. Số lượng khóa đào tạo bên ngoài: 26 khóa đào tạo 2. Số lượng khóa đào tạo trên Hệ thống đào tạo trực tuyến MBS Everlearn: 30 khóa đào tạo
3	Chung tay vì cộng đồng	Công ty và CBNV đóng góp cho cộng đồng	3,247,889,000 đồng	Bao gồm: 1. Ủng hộ Quỹ vacin phòng chống dịch Covid19. 2. Ủng hộ trang thiết bị, máy móc cho các Bệnh viện, cơ sở phòng chống dịch. 3. Ủng hộ sách cho Tủ sách nhân ái Trường Tiểu học Tam Hiệp, Tiền Giang
		Tạo việc làm	Hơn 2579 lao động	Bao gồm: 17. 671 CBNV 18. 20 Tập sự 19. 1.888 Cộng tác viên
		Liên kết với các trường ĐH	6 trường ĐH lớn, uy tín	1. ĐH Kinh tế Quốc dân (Hà Nội) 2. Học viện Tài chính (Hà Nội) 3. Đại học Ngoại thương (Hà Nội) 4. Đại học Thương Mại (Hà Nội) 5. ĐH Ngân hàng (TP. HCM) 6. ĐH Kinh tế HCM
		Tuyển dụng	170 nhân sự 83 Tập sự	Tuyển dụng được rất nhiều Tập sự cho các Chi nhánh/ Sở Giao dịch (60%) và các Đơn vị Hỗ trợ kinh doanh (40%) trên toàn hệ thống. Ngoài ra còn có rất nhiều Thực tập sinh thực tập tại Công ty.

Mối quan hệ bền vững giữa các bên liên quan

01

Đối với khách hàng

Với phương châm "Giải pháp kinh doanh chuyên biệt", MBS luôn cam kết cung cấp những giải pháp phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Trong những năm qua, MBS đã không ngừng mở rộng tệp khách hàng, đặc biệt tận dụng bán chéo sản phẩm dịch vụ và tận dụng tệp khách hàng của Ngân hàng mẹ MB. Khách hàng của MBS không chỉ được được cung cấp sản phẩm dịch vụ của MBS mà còn được cung cấp thêm nhiều giá trị gia tăng từ sản phẩm dịch vụ thuộc Tập đoàn MB. Những giá trị mà MBS mang lại cho khách hàng đã khẳng định vị thế của một trong những công ty chứng khoán hàng đầu thị trường, tạo niềm tin vững chắc cho khách hàng khi lựa chọn sản phẩm dịch vụ của MBS.

02

Đối với người lao động

MBS luôn đặt con người là trọng tâm trong mọi hoạt động. Với các chính sách nhân sự, chế độ đãi ngộ và phúc lợi tốt MBS đã thu hút và xây dựng được một đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu nhiệt huyết gắn bó với nghề. Chính nhờ sự tiên phong, sáng tạo, kỷ luật, đoàn kết và tận tâm, đội ngũ nhân sự MBS đã đồng hành cùng công ty vượt qua mọi giai đoạn khó khăn để tiếp tục vươn lên gặt hái những thành quả trong giai đoạn phát triển mới. Năm 2021, do vẫn bị ảnh hưởng bởi dịch Covid19, hoạt động đào tạo của MBS đã được chuyển hướng sang hình thức online. Công ty đã xây dựng phần mềm đào tạo online MBS Everlearn với nhiều chương trình đào tạo dành cho các đối tượng khác nhau như: Lãnh đạo, CBQL, nhân viên với các nội dung đào tạo phong phú, từ chuyên môn, kỹ năng đến đào tạo định hướng, thu hút CBNV tham gia đầy đủ và đạt hiệu quả đào tạo.

03

Đối với cổ đông, nhà đầu tư

MBS luôn tuân thủ và thực hiện đầy đủ các thủ tục công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, UBCKNN và của các Sở giao dịch chứng khoán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin minh bạch, kịp thời cho cổ đông và nhà đầu tư đồng thời chủ động công bố thông tin quan trọng có khả năng ảnh hưởng đến quyền lợi cũng như quyết định của nhà đầu tư. Trong năm 2021, MBS thực hiện trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20:3 và thực hiện quyền mua cổ phiếu tỷ lệ 7:3

04

Đối với đối tác

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, MBS luôn tuân thủ nguyên tắc hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng. Là một trong những công ty chứng khoán thành lập đầu tiên của TTCK Việt Nam, MBS luôn phấn đấu nằm trong TOP các công ty chứng khoán hàng đầu, với uy tín và kinh nghiệm của mình, MBS đã tạo dựng được mối quan hệ tốt đẹp với hàng trăm đối tác. Họ đã, đang và sẽ luôn sẵn sàng đồng hành cùng MBS trên con đường chinh phục những thử thách mới.

05

Đối với cộng đồng, xã hội

Một doanh nghiệp phát triển bền vững không thể tách rời các lợi ích chung của xã hội. Chính vì thế MBS đã xác định một trong những giá trị cốt lõi của mình là "xã hội và phát triển cộng đồng". Quỹ từ thiện "Trái tim MBS" được thành lập đã là cầu nối để tấm lòng của CBNV MBS đến được với những hoàn cảnh thiếu thốn, khó khăn, bất hạnh, chung tay mang lại những điều tốt đẹp, ý nghĩa cho cộng đồng và xã hội. Dịch bệnh Covid ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động của doanh nghiệp nhưng MBS vẫn tổ chức các chương trình từ thiện, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cũng như hướng đến xây dựng thương hiệu nhân văn, thân thiện với cộng đồng.

06

Đối với chính quyền

MBS tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chuẩn hiện hành của pháp luật Việt Nam trong mọi hoạt động cũng như đóng góp vào ngân sách Nhà nước đầy đủ. MBS đã xây dựng và tăng cường mối quan hệ tốt với các Bộ, Ban, Ngành nhưng không lợi dụng mối quan hệ này để đạt lợi ích bất chính.

07

Đối với báo chí truyền thông

MBS xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với báo chí trên nguyên tắc bình đẳng, minh bạch và hợp pháp. Các thông điệp, thông tin cung cấp luôn đảm bảo tính chính xác, rõ ràng, đầy đủ và khách quan, giúp cơ quan báo chí, truyền thông có được những thông tin chính xác về tình hình hoạt động của Công ty. Ngoài ra, MBS cũng chú trọng xây dựng các cơ chế xử lý khủng hoảng truyền thông, bình tĩnh đính chính các thông tin sai lệch cũng như đưa ra những phát ngôn khéo léo và chuẩn mực trước cơ quan báo đài.

Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan

MBS đã xây dựng cơ chế hiệu quả nhằm tăng cường quá trình trao đổi thông tin. Các kênh tương tác được thiết lập và củng cố đảm bảo tính chủ động, đầy đủ, sâu sát, kịp thời trong việc tiếp nhận ý kiến của các bên liên quan, làm cơ sở cho việc cải tiến, phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty theo hướng bền vững.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
Cổ đông, nhà đầu tư	- ĐHĐCĐ thường niên. - Website MBS. - Fanpage MBS - Fanpage MBS Online - Youtube MBS - Gặp gỡ trực tiếp. - Các chương trình giao lưu, hợp tác, giới thiệu nhà đầu tư.	- Kết quả kinh doanh tốt. - Thông tin minh bạch, rõ ràng, kịp thời và chính xác. - Năng lực quản trị Công ty tăng. - Giá trị Công ty tăng	- Đầu tư có chiều sâu vào hoạt động truyền thông, marketing - Thực hiện chi trả cổ tức - Hoàn thiện hệ thống Quản trị Công ty.	- Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.247 tỷ đồng - Lợi nhuận sau thuế đạt 736 tỷ đồng
Khách hàng	- Đội ngũ nhân viên dịch vụ ngân hàng đầu tư, môi giới, tư vấn. - Tiếp xúc trực tiếp tại sàn giao dịch, tại trụ sở của đối tác... - Hội nghị tri ân khách hàng. - Tổng đài Contact24. - Website, facebook, youtube, email - Hội thảo chuyên ngành. - Chương trình khảo sát khách hàng/ thị trường.	- Chất lượng dịch vụ tốt, giá/phí cạnh tranh. - Địa điểm giao dịch thuận tiện. - Giao dịch thuận tiện, an toàn, bảo mật đặc biệt trên nền tảng số. - Nhân viên thân thiện, nhiệt tình, tận tâm.	- Nâng cao trình độ đội ngũ broker và nghiệp vụ quầy giao dịch. - Nâng cao chất lượng các hội thảo chuyên môn, các báo cáo phân tích, khuyến nghị đầu tư. - Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo. - Đầu tư hạ tầng cơ sở, thường xuyên nâng cấp phần mềm giao dịch. - Tổ chức tri ân khách hàng.	- App MBS – công cụ giao dịch chứng khoán hiện đại và thông minh trên thiết bị di động luôn được bổ sung, cập nhật tính năng mới. - Phần mềm giao dịch S24 được ra mắt với giao diện hiện đại, tính năng thuận tiện, đồng bộ với App MBS. - Đội ngũ broker được đào tạo cả về chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng mềm. - Thiết kế các gói dịch vụ đa dạng, linh hoạt, phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng khách hàng. - Thực hiện một số cuộc khảo sát khách hàng với kết quả tốt.
Cơ quan quản lý	- Tiếp xúc trực tiếp. - Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Cơ quan quản lý tổ chức.	- Tuân thủ các quy định của Nhà nước và pháp luật liên quan đến hoạt động của ngành. - Tích cực tham gia các hoạt động và đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.	- Tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Đóng góp đầy đủ vào Ngân sách Nhà nước. - Tham gia ý kiến vào việc xây dựng các văn bản về chính sách, quy chế... của cơ quan quản lý. - Tích cực tham gia hoạt động của 2 Sở giao dịch chứng khoán.	- Luôn tuân thủ quy định của Nhà nước và pháp luật. - Năm 2021 nộp NSNN hơn 555 tỷ đồng.
Các hiệp hội	- Thông qua các hội thảo, hội nghị... do Hiệp hội Kinh doanh Chứng khoán VN tổ chức.	- Là thành viên tích cực của Hiệp hội.	- Tham gia tích cực vào hoạt động của Hiệp hội. - Thực hiện tốt nghĩa vụ tài chính với các Hiệp hội.	- Đóng góp ý kiến xây dựng và phát triển hoạt động của Hiệp hội. - Tham gia đầy đủ các hội thảo, hội nghị do Hiệp hội tổ chức và/hoặc chỉ đạo tham dự. - Được Hiệp hội Kinh doanh chứng khoán Việt Nam ghi nhận là một trong những thành viên tích cực nhất trong hoạt động của Hiệp hội.
Báo chí	- Các hội thảo, hoạt động do các cơ quan báo chí tổ chức. - Tổ chức gặp mặt và giao lưu gắn kết. - Duy trì trao đổi thông tin qua email và các nền tảng xã hội.	- Có cơ chế tiếp cận thông tin về hoạt động của Công ty nhanh chóng. - Xây dựng mối quan hệ tốt với các cơ quan truyền thông, báo chí.	- Chủ động cập nhật thông tin cho cơ quan báo chí. - Cung cấp thông tin chuyên ngành cho cơ quan báo chí.	- Tham gia trả lời phỏng vấn trên báo giấy, báo online và xuất hiện trên truyền hình VTV. - Xây dựng, duy trì và phát triển mối quan hệ tốt với cơ quan truyền thông, báo chí.

Cơ chế tiếp nhận ý kiến giữa các bên liên quan và đánh giá tổng quát kết quả hoạt động của MBS với các bên liên quan

(Tiếp theo)

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
Người lao động	- Thông qua Phòng Nhân sự, Công đoàn. - Thông qua quản lý trực tiếp. - Thông qua các chương trình đạo tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài. - Thông qua lễ sơ kết, tổng kết thường niên. - Thông qua hoạt động nghỉ mát, kỷ niệm sinh nhật công ty. - Thông qua các sự kiện nội bộ: 8/3, 1/6, trung thu, 20/10. - Thông qua các chương trình Về nguồn, các chương trình xã hội từ thiện.	- Công việc ổn định. - Môi trường làm việc thân thiện. - Thu nhập ổn định và có sự tăng trưởng. - Chính sách phúc lợi đầy đủ và được đảm bảo. - Có chính sách đào tạo và cơ hội phát triển, thăng tiến. - Được quan tâm tới đời sống vật chất và tinh thần cho CBNV. - Được ghi nhận.	- Tạo việc làm ổn định, mở rộng cơ hội việc làm thông qua mở rộng sản phẩm dịch vụ kinh doanh và tuyển dụng nhân sự mới. - Chi trả thu nhập ổn định, thu nhập gắn với hiệu quả công việc để tạo động lực cho người lao động. - Định kỳ rà soát chính sách lương thưởng phù hợp với thị trường. - Ban hành và thực hiện các chế độ phúc lợi cho người lao động: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe... - Tăng ngân sách dành cho hoạt động đào tạo, tổ chức kiểm tra kiến thức chuyên môn định kỳ. - Xây dựng các chương trình thi đua thúc đẩy kinh doanh. - Tạo điều kiện để các tổ chức quần chúng (công đoàn, đoàn thanh niên, hội phụ nữ) phát huy vai trò xây dựng môi trường văn hóa thân thiện.	- Năm 2021, số lượng CBNV mới được tuyển dụng là 170 người, tăng 20,56% so với năm 2020. - Thực hiện trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh đúng hạn, mức thu nhập bình quân (không bao gồm thưởng) của người lao động năm 2021 tăng 26% so với năm 2020, tổng thu nhập tăng 88%. - Đóng đầy đủ các chế độ bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN với tổng số công ty chi trả tăng 6% so với năm 2020. - Mua Bảo hiểm sức khỏe MIC cho CBNV với tổng giá trị năm 2021 giảm 6% so với năm 2020. - Trong năm 2021, 46 đơn vị và 206 cá nhân đã được vinh danh khen thưởng. - Tổng số lượt đào tạo tăng 284% so với năm 2020. - Phát động chương trình thi đua kinh doanh tại các Chi nhánh với tổng giá trị giải thưởng lên đến hơn 06 tỷ đồng.

Các bên liên quan	Kênh tương tác	Kỳ vọng được ghi nhận	Giải pháp thực hiện	Kết quả đạt được
Cộng đồng, xã hội	- Tiếp xúc trực tiếp với người dân và chính quyền địa phương.	- Góp phần vào hoạt động phòng chống dịch Covid19 của Quỹ vaxcin phòng chống dịch Covid19. - Góp phần giúp các bệnh viện/cơ sở y tế phòng chống dịch Covid19. - Góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn, vùng sâu, vùng xa. - Tạo việc làm cho sinh viên và thu hút các tài năng trẻ. - Tuân thủ quy định của chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ.		- Phối hợp tổ chức và tổ chức các chương trình từ thiện lớn nhỏ như: + Ủng hộ 2,3 tỷ đồng cho Quỹ vacin phòng chống dịch Covid19. + Ủng hộ máy móc, thiết bị trị giá hơn 389 triệu đồng cho Viện Y tế công cộng và dự phòng, Đại học Y Hà Nội. + Ủng hộ 200 bình ô xy trị giá 300 triệu đồng cho Liên đoàn Lao động TP. Thủ Đức. + Ủng hộ 1.000 que test nhanh Panbio™ COVID-19 Ag Rapid Test Device (25 test/ hộp) Abbott Diagnostics Korea Inc - Hàn Quốc trị giá 198 triệu đồng cho Đại học Y Dược TP. HCM. + Ủng hộ sách cho Tủ sách nhân ái Trường Tiểu học Tam Hiệp, Tiền Giang với giá trị 60 triệu đồng. - Hợp tác với 6 trường đại học lớn trên cả nước, thực hiện đào tạo chuyên môn và tìm kiếm nhân sự tiềm năng. - Năm 2021, tổng ngân sách chi cho hoạt động cộng đồng là 3,247,889,000 đồng.

Đánh giá các vấn đề trọng yếu

Hiệu quả hoạt động kinh tế

- Kết quả kinh doanh tăng trưởng vượt bậc trong năm 2021:
  - Tổng doanh thu năm 2021 đạt 2.247 tỷ đồng, bằng 200% so với năm 2020, hoàn thành 150% kế hoạch cả năm 2021.
  - Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 736 tỷ đồng, bằng 153% kế hoạch cả năm, tương đương 219% so với năm 2020.

- Các hoạt động kinh doanh cốt lõi tại MBS:
  - Hoạt động Môi giới tăng tốc chuyển đổi số
  - Hoạt động dịch vụ Ngân hàng Đầu tư – IB nâng cao uy tín, mở rộng đối tác, nâng cao chất lượng sản phẩm
  - Hoạt động đầu tư vượt trội, giữ vững uy tín và vai trò tiên phong thị trường về triển khai các sản phẩm mới
- Hoạt động Nghiên cứu chuyên sâu với thông tin và chất lượng tư vấn tốt
- Nền tảng công nghệ thông tin đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế và hấp dẫn khách hàng
- Quản trị rủi ro thông minh, xác lập cơ chế tự quản trị và thiết lập các vòng bảo vệ chắc chắn

Tóm lại: MBS duy trì vị thế trên thị trường chứng khoán, tiếp tục là công ty chứng khoán được lựa chọn hàng đầu đối với nhà đầu tư bởi Công ty không ngừng dịch chuyển nhằm hướng tới mục tiêu phục vụ tốt nhất nhu cầu của nhà đầu tư. Định vị rõ ràng ưu thế của MBS trên thị trường, Công ty xác lập mục tiêu phát triển bền vững, đa dạng các nguồn thu nhập song hành với quản trị rủi ro vì quyền lợi và mong muốn đồng hành cùng phát triển bên cạnh khách hàng.

Năng lượng, chất thải, nước thải, môi trường

Với đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, các hoạt động của MBS không gây tác động trực tiếp đến môi trường nhưng MBS luôn gắn kết mục tiêu bảo vệ môi trường thông qua các hoạt động nội bộ bằng nhiều hình thức: tổ chức các cuộc thi Sáng kiến cải tiến trong đó có nội dung về tiết kiệm điện, nước, tái sử dụng giấy văn phòng. MBS tuân thủ quy định về phân loại rác thải và xử lý nước thải của Ban quản lý tòa nhà.

Trong năm 2021, MBS luôn tuân thủ quy định về môi trường, thường xuyên đặt cây xanh trong văn phòng để tạo môi trường xanh, tái sử dụng giấy một mặt, phân loại rác thải nhựa...

Việc làm

Nguồn nhân lực tại MBS

Tổng nhân sự tại MBS thời điểm 31/12/2021 là 671 người. Lực lượng lao động tại MBS đa phần là lao động trẻ, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với ngành tài chính chứng khoán. Cơ cấu lao động theo giới tính cân bằng, theo thâm niên hợp lý với đặc thù ngành nghề.

Cơ cấu lao động theo các tiêu chí	Số lượng CBNV	Tỷ lệ trên tổng số CBNV Công ty
Khu vực		
Miền bắc	443	66%
Miền nam	228	34%
Giới tính		
Nam	338	50.4%
Nữ	333	49.6%
Nhóm tuổi		
Dưới 25 tuổi	102	15.20%
Từ 25 tuổi - dưới 30 tuổi	224	33.38%
Từ 30 tuổi - dưới 40 tuổi	253	37.71%
Từ 40 tuổi trở lên	92	13.71%
Trình độ đào tạo		
Trên đại học	61	9.09%
Đại học	592	88.23%
Cao đẳng	13	1.93%
Trung cấp + khác	5	0.75%
Cấp quản lý		
Cấp cao	26	3.87%
Cấp trung	87	12.97%
Nhân viên	558	83.16%

Đánh giá các vấn đề trọng yếu *(Tiếp theo)*

Việc làm

Nguồn nhân lực tại MBS

Cơ cấu LĐ phân theo vùng miền

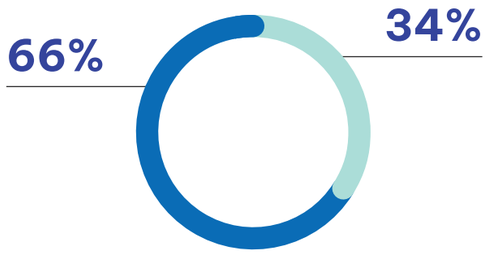

Cơ cấu LĐ phân theo độ tuổi

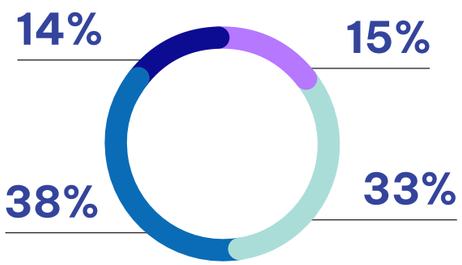

Cơ cấu LĐ phân theo giới tính

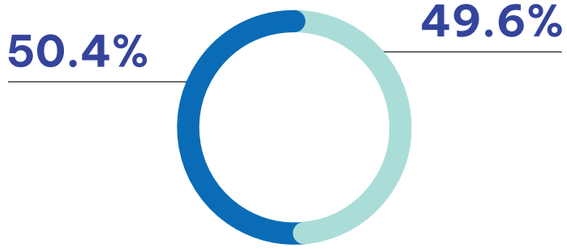

Cơ cấu LĐ phân theo trình độ học vấn

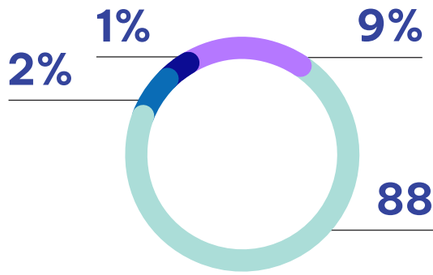

Tỷ lệ CBQL trên tổng CBNV

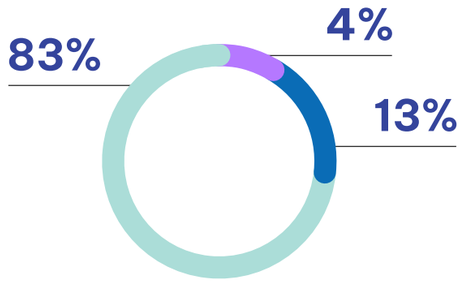

Đánh giá các vấn đề trọng yếu *(Tiếp theo)*

Việc làm

Thu hút nhân sự giỏi và khơi gợi đam mê cống hiến

Năm 2021, MBS đẩy mạnh phát triển kinh doanh số, công nghệ hóa quy trình làm việc. Việc tuyển dụng nhân sự cũng như phát triển nhân sự từ nguồn nội bộ được coi trọng, nhằm tìm được nhân sự giỏi để phát triển kinh doanh toàn diện trên cách lĩnh vực: dịch vụ chứng khoán, dịch vụ ngân hàng đầu tư, hoạt động kinh doanh trái phiếu, hoạt động nguồn vốn, hoạt động dịch vụ chứng khoán khách hàng tổ chức và công nghệ thông tin.

Với việc điều chỉnh quy chế lương, rà soát các chính sách đãi ngộ, đa dạng hóa các kênh tuyển dụng cũng như thay đổi phương thức tiếp cận nguồn nhân lực, MBS đã thành công trong việc tuyển dụng được các vị trí chủ chốt, giữ chân và ổn định đội ngũ nhân sự nòng cốt.

Bên cạnh đó, những chương trình hợp tác thường xuyên với các trường đại học lớn tại Hà Nội và TP. HCM cũng mở ra nhiều cơ hội tìm kiếm ứng viên tiền năng cho MBS.

Cơ cấu LĐ tuyển mới theo đơn vị KD, HT

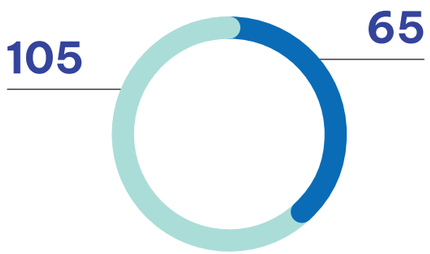

Cơ cấu LĐ tuyển mới theo khu vực

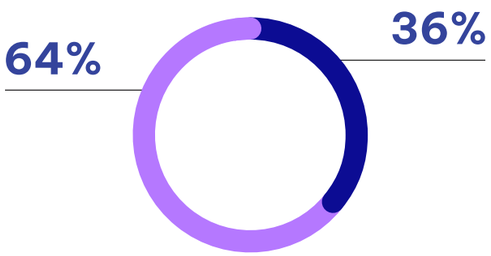

An toàn và sức khỏe nghề nghiệp

Tại MBS, chế độ bảo hiểm cho người lao động được thực hiện đầy đủ, các chính sách phúc lợi thường xuyên được rà soát để đảm bảo người lao động được quan tâm một cách tối đa. Đây cũng là một yếu tố cạnh tranh trên thị trường lao động.

- Chế độ cho lao động nữ, chế độ thai sản, ốm đau:
  - Lao động nữ được nghỉ thai sản 6 tháng theo Luật lao động và khi quay trở lại làm việc được nghỉ 1 tiếng/ngày trong thời gian con dưới 12 tháng tuổi. Lao động nam được nghỉ thai sản theo chế độ từ 5 - 14 ngày vợ sinh con. Người lao động tại MBS có thể yên tâm nghỉ ngơi, chăm sóc con cái, phục hồi sức khỏe sau sinh... Các chế độ khác như nghỉ ốm, nghỉ dưỡng sức... được MBS tạo điều kiện nhằm đảm bảo tối đa quyền lợi cho người lao động.
- Các chính sách bảo hiểm:
  - Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật lao động, MBS đã triển khai mua bảo hiểm sức khỏe cho CBNV và các quyền lợi liên tục được mở rộng và gia tăng để bảo vệ quyền lợi của Người lao động một cách tối ưu.
  - MBS cũng triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho CBNV với danh mục khám thiết thực, bổ sung các xét nghiệm cần thiết nhằm phát hiện sớm các bệnh nguy hiểm như một số bệnh ung thư phổ biến (ung thư vú, ung thư cổ tử cung, ung thư tuyến giáp...), biếu cổ, tiền liệt tuyến...Năm 2021, ngân sách dành cho khám sức khỏe định kỳ tại MBS tăng 35% so với năm 2020.

Hàng năm, MBS cũng trích ngân sách tặng quà, hỗ trợ các CBNV bị bệnh hiểm nghèo, sức khỏe yếu, sẻ chia gánh nặng và khích lệ tinh thần CBNV yên tâm công tác.

Năm 2021, ngân sách dành cho khám sức khỏe định kỳ tại MBS

▲ 35%

so với năm 2020

Đánh giá các vấn đề trọng yếu *(Tiếp theo)*

Việc làm

Giáo dục và đào tạo

Năm 2021 mặc dù là một năm nhiều khó khăn cho hoạt động đào tạo vì ảnh hưởng của dịch covid-19 nhưng nhờ sự kịp thời chuyển đổi hình thức đào tạo online nên MBS vẫn liên tục triển khai được nhiều chương trình đào tạo cho CBNV nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

Cụ thể, MBS đã triển khai được 07 khóa đào tạo nội bộ, 26 khóa đào tạo bên ngoài và hơn 30 khóa đào tạo trên Hệ thống đào tạo trực tuyến MBS Everlearn.

07
khóa đào tạo nội bộ

26
khóa đào tạo bên ngoài

> 30
khóa đào tạo trên Hệ thống đào tạo trực tuyến MBS Everlearn

Tỷ lệ tổng số giờ đào tạo năm 2021 đã tăng 141% so với năm 2020 nhờ vào việc triển khai các chương trình đào tạo online.

Đào tạo nội bộ (giờ)	Đào tạo bên ngoài (giờ)	Tổng số giờ đào tạo (giờ)	Số giờ đào tạo trung bình (giờ)
11,920	6032	17,952	**26.596**

MBS cũng hợp tác với các trường đại học trên cả nước để tổ chức các chương trình, tạo sân chơi cho các bạn sinh viên và gia tăng kiến thức, kỹ năng thực tế tại doanh nghiệp. Đồng thời liên kết với các trung tâm đào tạo để tổ chức các chương trình đào tạo kiến thức chuyên môn và thi sát hạch chứng chỉ hành nghề chứng khoán nhằm đảm bảo theo đúng quy định của Pháp luật.

Bên cạnh việc đào tạo, MBS tiếp tục phát triển văn học đọc cho CBNV bằng cách triển khai hệ thống MBS Ebook giúp CBNV có thể đọc sách mọi nơi.

Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

- Không phân biệt đối xử:
  - Tại MBS, con người được đối xử công bằng và bình đẳng, không có sự phân biệt về giới tính, dân tộc, thành phần xã hội, tình trạng hôn nhân, tín ngưỡng, tôn giáo, tình trạng sức khỏe. MBS cũng luôn tuân thủ nguyên tắc bình đẳng nam nữ trong tuyển dụng, giao việc, thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi, nâng lương, quy hoạch, bổ nhiệm... Lao động nữ tại MBS chiếm 49.6% tổng số lao động và 45.13% tổng số CBQL. Lao động nữ tại MBS luôn được quan tâm, tạo điều kiện để phát triển nghề nghiệp, ổn định cuộc sống. MBS luôn coi trọng bình đẳng giới trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực cũng như các kế hoạch tuyển dụng nhân sự hàng năm.

- Công bằng trong đánh giá, khen thưởng và ghi nhận thành tích: Đây là một trong những yếu tố quan trọng để tạo động lực cho người lao động phát huy năng lực và gắn bó lâu dài với Công ty. Chính vì thế nội dung này luôn được Ban lãnh đạo công ty chú trọng, thể hiện qua việc:
  - Giao mục tiêu công việc/kế hoạch kinh doanh từ đầu năm một cách rõ ràng theo tiêu chí SMART tới từng đơn vị, phòng ban và cá nhân người lao động. Mục tiêu được giao căn cứ trên cơ sở mục tiêu chung của công ty.
  - Định kỳ, Công ty đánh giá kết quả thực hiện công việc dựa trên kết quả kinh doanh/kết quả làm việc của người lao động.
  - Trên cơ sở kết quả đánh giá, Công ty sẽ trả lương, thưởng hiệu quả kinh doanh cho người lao động. Thông qua kết quả này, Công ty cũng đánh giá được cần xây dựng chương trình đào tạo nào cho người lao động để phát huy thế mạnh hoặc bù đắp thiếu hụt.

Cộng đồng

Hoạt động từ thiện xã hội luôn được MBS quan tâm và thực hiện thường xuyên. Hàng năm, quỹ từ thiện "Trái tim MBS" đã tổ chức các chương trình từ thiện để chia sẻ khó khăn và góp phần cải thiện điều kiện sống của người dân khó khăn ở vùng sâu, vùng xa. Trong nhiều năm qua, Quỹ Trái tim MBS đã đặt chân tới nhiều nơi, mang tình cảm và sự chia sẻ tới người dân ở các tỉnh vùng núi phía bắc, miền trung và cả những tỉnh khó khăn phía nam như Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Quảng Bình, Bình Phước, Phú Yên...

Trong năm 2021 nhiều khó khăn với dịch Covid vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, MBS đã triển khai các chương trình từ thiện tặng sách cho Trường Tiểu học Tam Hiệp, Tiền Giang cũng như ủng hộ.

Hoạt động tri ân, tặng quà cho các thương binh liệt sỹ là người thân của CBNV Công ty cũng là một trong những hoạt động ý nghĩa được tổ chức thường niên tại MBS. Ngoài ra, MBS còn quan tâm tới đời sống của CBNV, hàng năm Công đoàn công ty đều thăm hỏi và có phần quà gửi tặng những CBNV không may bị mắc bệnh hiểm nghèo, gặp hoàn cảnh khó khăn...

Định hướng chiến lược phát triển bền vững

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, MBS luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội - ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của MBS. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường.

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, MBS thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa MBS với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển bền vững của Công ty.

01

Duy trì và ổn định hệ thống

Năm 2021, nền kinh tế tiếp tục bị ảnh hưởng bởi dịch Covid19. Trước tình hình dịch bệnh phức tạp khó lường kéo theo những thay đổi về mọi mặt trong đời sống kinh tế xã hội, MBS đã nhanh chóng lựa chọn hướng đi phù hợp với hoàn cảnh mới, đó là: kiện toàn bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ và phát triển các sản phẩm công nghệ, đáp ứng nhu cầu và xu thế chung của toàn xã hội. Công ty vẫn vận hành tốt ngay cả trong nửa đầu năm giãn cách xã hội, nguồn nhân lực được tối ưu hóa, chế độ và phúc lợi dành cho CBNV vẫn được đảm bảo, đồng thời hoạt động kinh doanh số đạt được những kết quả tích cực.

02

Quản trị rủi ro

MBS là công ty kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán và dịch vụ đầu tư tài chính. Mục tiêu Quản trị rủi ro của MBS là kiểm soát được quy mô và mức độ tổn thất phát sinh từ hoạt động đầu tư kinh doanh, tư vấn, môi giới... bảo đảm với mức chi phí hợp lý và sẽ thu được lợi nhuận từ hoạt động này, hướng đến việc duy trì và phát triển doanh nghiệp ổn định gắn với hoạt động bảo vệ môi trường và đóng góp xây dựng cộng đồng, xã hội. Một trong những động lực chính làm gia tăng nhu cầu đối với việc áp dụng quản trị rủi ro phát triển bền vững là yêu cầu tuân thủ ngày càng nghiêm ngặt các quy định của pháp luật trong nước và quốc tế trong quá trình quản trị, điều hành doanh nghiệp.

Phòng Quản trị rủi ro MBS đã và đang tập trung thiết lập hệ thống Quản trị rủi ro toàn diện nhằm nhận diện, phân loại, đánh giá và xây dựng kế hoạch ứng phó hiệu quả với các rủi ro nhằm đảm bảo Công ty có thể hoàn thành tốt các mục tiêu và kế hoạch đã đặt ra, nhất là với thị trường biến động liên tục. Bên cạnh việc đào tạo đội ngũ và hoàn thiện quy trình Quản trị rủi ro, MBS còn thực hiện đào tạo về nhận diện, phòng tránh và xử lý rủi ro cho đội ngũ kinh doanh để hạn chế tối đa rủi ro phát sinh.

03

Con người

Đặt con người là trọng tâm, MBS thường xuyên rà soát các chính sách tuyển dụng, lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt để thu hút và giữ chân nhân tài. Các hoạt động đào tạo cũng được chú trọng về chiều sâu, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ và các kỹ năng cần thiết cho công việc. Trên cơ sở đó, MBS đầu tư đào tạo đội ngũ nhân sự kế cận từ nguồn nội bộ, tạo cơ hội phấn đấu cho người lao động phát huy thế mạnh, tận tâm cống hiến và gắn bó với công ty. Ngoài ra, tại MBS, văn hóa nội bộ cũng được chú trọng phát triển nhằm tạo tinh thần và không khí làm việc vui vẻ, xây dựng một môi trường năng động, trẻ trung và gắn kết.

04

Sản phẩm và Công nghệ

Ngoài tiếp tục duy trì và nâng cấp các phần mềm giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh, MBS không ngừng cải tiến và nghiên cứu các sản phẩm mới, đáp ứng nhu cầu giao dịch ngày càng đa dạng của khách hàng và nhà đầu tư như: App MBS - công cụ giao dịch chứng khoán trên thiết bị di động thông minh hiện đại hàng đầu tại thị trường Việt Nam liên tục được bổ sung và cập nhật tính năng; Phần mềm giao dịch chứng khoán trên máy tính S24 tích hợp với App MBS; Bảng giá thông minh Plus24 được cập nhật nhiều tính năng nổi trội Ngoài các sản phẩm tài chính do MBS cung cấp, khách hàng còn được tiếp cận và gia tăng tiện ích với hàng loạt các sản phẩm tài chính khác như: ngân hàng, bảo hiểm, bất động sản... của Tập đoàn MB.

05

Quan hệ Nhà đầu tư

Các đơn vị kinh doanh nòng cốt như Dịch vụ chứng khoán dành cho Khách hàng tổ chức, Khách hàng cá nhân; Dịch vụ Ngân hàng đầu tư; Bộ phận Kinh doanh trái phiếu; Bộ phận Quản lý Cổ đông tiếp tục đóng vai trò là chiếc cầu nối thông tin quan trọng nhằm kết nối Công ty với nhà đầu tư và cổ đông. Năm 2021, MBS thực hiện hàng trăm lượt trao đổi với các nhà đầu tư trong nước, chủ động tiếp xúc với nhà đầu tư và các công ty chứng khoán nước ngoài để giới thiệu cơ hội đầu tư tại thị trường chứng khoán Việt Nam, đặc biệt là tìm kiếm cơ hội hợp tác giữa hai bên. Ngoài ra, Công ty tiếp tục tiếp xúc và thảo luận với các bên liên quan thông qua các các cuộc họp nhằm thực hiện tốt minh bạch hóa thông tin thông qua việc cập nhật các tin tức, báo cáo, thông tin trọng yếu có ảnh hưởng đến lợi ích các bên liên quan.

06

Tăng trưởng kinh tế bền vững

2021 là năm đánh dấu những con số nổi bật về kết quả hoạt động kinh doanh của MBS kể từ khi thành lập. Tuy là một năm vẫn còn nhiều tác động khó dự đoán của dịch Covid19 nhưng bên cạnh đó cũng có không ít cơ hội, con người MBS vẫn luôn kiên định, vững vàng vượt qua mọi khó khăn, đồng thời không ngừng sáng tạo, nắm bắt thời cơ, nhanh chóng tìm ra những hướng đi mới để thích nghi với mọi hoàn cảnh. Năm 2021 cũng là tiền đề mở ra một tương lai hứa hẹn nhiều bứt phá khi triển khai chiến lược mới giai đoạn trong 5 năm tiếp theo 2022 - 2026.

CHƯƠNG 05

Báo cáo tài chính

Thông tin chung	82
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	84
Báo cáo kiểm toán độc lập	85
Báo cáo tình hình tài chính	86
Báo cáo kết quả hoạt động	92
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	96
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	100
Thuyết minh báo cáo tài chính	102

Thông tin chung

Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 0 1/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 1 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng vốn điều lệ của Công ty là:

2.676.183.240.000 VNĐ

Công ty có trụ sở chính tại tầng 7 và 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (1) trụ sở chính và bảy (7) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán, cho vay và cung cấp dịch vụ;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Lê Viết Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Thành Trung	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Hải Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2014
Bà Trần Thị Kim Thanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2018
Bà Nguyễn Minh Hằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 6 năm 2020

Ban Kiểm soát

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Kim Chung	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021
Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2021
Bà Vũ Thị Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Diệp Quỳnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2016

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán Trưởng của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo tài chính này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2013
Bà Phùng Thị Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 7 năm 2013
Ông Lê Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Việt Oanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 3 tháng 1 năm 2017 Miễn nhiệm ngày 18 tháng 1 năm 2021
Ông Nguyễn Văn Học	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 10 năm 2017

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Hải Hà, chức danh Tổng Giám đốc.

Bà Nguyễn Kim Chung, chức danh Giám đốc tài chính, được ủy quyền ký báo cáo tài chính theo Giấy Ủy quyền số 27/2021/MBS-UQ ngày 12 tháng 04 năm 2021 của Tổng Giám đốc.

Kiểm toán viên

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Trách nhiệm của ban Tổng Giám đốc công ty đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

Công bố của ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bà Nguyễn Kim Chung
Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Báo cáo kiểm toán độc lập

Số tham chiếu: 61066227/22026958

Kính gửi: Các cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 1 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 69, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trịnh Hoàng Anh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2071-2018-004-1

Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Báo cáo tình hình tài chính

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**10.801.086.423.799**	**6.716.096.907.903**
110	**I. Tài sản tài chính**		**10.749.300.163.847**	**6.682.215.673.225**
111	20. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	118.318.984.352	96.948.819.458
111.1	1.1. Tiền		91.018.984.352	49.648.819.458
111.2	1.2. Các khoản tương đương tiền		27.300.000.000	47.300.000.000
112	21. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	1.722.347.864.808	1.468.603.179.653
113	22. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.2	1.584.415.039.025	739.565.039.025
114	23. Các khoản cho vay	7.3	7.151.289.176.293	4.123.339.761.796
115	24. Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.4	117.949.857.502	113.365.529.369
116	25. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	7.5	(82.583.086.500)	(59.055.729.445)
117	26. Các khoản phải thu	8	83.219.415.221	157.860.516.852
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính		3.002.354.000	120.229.160.100
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		80.217.061.221	37.631.356.752
	7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		36.417.255.215	5.813.239.017
117.4	7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		43.799.806.006	31.818.117.735

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
118	8. Trả trước cho người bán		27.392.863.570	15.860.420.816
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	9	20.989.313.964	23.268.232.110
122	10. Các khoản phải thu khác	10	10.061.633.840	5.959.803.591
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	11	(4.100.898.228)	(3.499.900.000)
130	**II. Tài sản ngắn hạn khác**		**51.786.259.952**	**33.881.234.678**
131	7. Tạm ứng		1.076.680.879	983.822.696
132	8. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		2.070.802.126	436.515.736
133	9. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	24.013.308.548	4.479.398.323
134	10. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	13	15.090.000.000	15.223.478.223
136	11. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	22	35.468.399	-
137	12. Tài sản ngắn hạn khác		9.500.000.000	12.758.019.700

Báo cáo tình hình tài chính *(Tiếp theo)*

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**246.154.292.003**	**299.499.242.896**
210	**I. Tài sản tài chính dài hạn**		**10.000.000.000**	**150.000.000.000**
212	4. Các khoản đầu tư		10.000.000.000	150.000.000.000
212.1	2.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	7.2	10.000.000.000	150.000.000.000
220	**II. Tài sản cố định**		**121.732.322.717**	**53.153.319.005**
221	5. Tài sản cố định hữu hình	14	80.757.121.150	35.608.810.803
222	5.1 Nguyên giá		163.571.392.077	104.530.974.735
223a	1.2. Giá trị khấu hao lũy kế		(82.814.270.927)	(68.922.163.932)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	40.975.201.567	17.544.508.202
228	2.1 Nguyên giá		64.740.748.537	32.872.301.271
229a	2.2 Giá trị hao mòn lũy kế		(23.765.546.970)	(15.327.793.069)
250	**III. Tài sản dài hạn khác**		**114.421.969.286**	**96.345.923.891**
251	5. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		3.130.373.768	2.573.511.568
252	6. Chi phí trả trước dài hạn	16	83.225.219.965	67.372.088.116
253	7. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	854.098.883
254	8. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	17	17.956.433.957	15.456.433.957
255	9. Tài sản dài hạn khác	18	10.109.941.596	10.089.791.367
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**11.047.240.715.802**	**7.015.596.150.799**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2021 (VNĐ)
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**7.635.694.807.694**	**4.955.227.678.095**
310	**I. Nợ phải trả ngắn hạn**		**6.798.797.328.015**	**4.775.706.309.161**
311	3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	6.266.414.308.030	2.206.843.000.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		6.266.414.308.030	2.206.843.000.000
318	4. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	20	30.234.768.959	40.209.367.939
320	5. Phải trả người bán ngắn hạn	21	20.304.428.797	408.518.796.761
321	6. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		2.458.002.000	2.141.002.000
322	7. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	86.331.826.534	45.505.365.098
323	8. Phải trả người lao động		17.609.621.574	9.241.405.870
324	9. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		4.862.689.937	3.750.693.088
325	10. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	191.475.017.406	49.485.192.001
327	11. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		3.485.436.664	262.303.989
328	12. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24	158.248.586.015	1.998.030.365.477
329	13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	25	10.167.563.241	7.674.305.560
331	14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.205.078.858	4.044.511.378

Báo cáo tình hình tài chính *(Tiếp theo)*

B01-CTCK

ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
340	**II. Nợ phải trả dài hạn**		**836.897.479.679**	**179.521.368.934**
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	26	834.981.394.746	178.191.975.264
352	2. Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		218.165.500	1.329.393.670
356	3. Thuế thu nhập phải trả hoãn lại		1.697.919.433	-
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**3.411.545.908.108**	**2.060.368.472.704**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**27.1**	**3.411.545.908.108**	**2.060.368.472.704**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		2.675.521.133.200	1.643.181.396.700
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		2.676.183.240.000	1.643.310.840.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		2.676.183.240.000	1.643.310.840.000
411.5	1.2. Cổ phiếu quỹ		(662.106.800)	(129.443.300)
414	2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		69.328.039.314	39.987.506.742
415	3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		69.318.055.214	39.977.522.642
416	4. Các quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu		1.625.982.305	1.625.982.305
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	27.2	595.752.698.075	335.596.064.315
417.1	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		590.397.020.344	340.448.459.848
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		5.355.677.731	(4.852.395.533)
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**11.047.240.715.802**	**7.015.596.150.799**

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
026	Tiền gửi của khách hàng		3.676.971.073.048	2.531.036.532.005
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.9	3.624.388.650.402	2.516.821.135.267
027.1	Trong đó: Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD		144.673.135.823	103.200.581.767
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán của khách hàng	28.9	25.495.811.279	5.023.102.737
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	28.10	27.086.611.367	9.192.294.001
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	28.11	3.649.884.461.681	2.521.844.238.004
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.618.928.606.100	2.501.824.003.728
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		30.955.855.581	20.020.234.276
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	28.12	26.905.801.364	84.738.364
035	Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	28.13	180.810.003	9.107.555.637

Người lập biểu	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bà Lê Thị Thu Hiền	**Ông Nguyễn Văn Học**	**Bà Nguyễn Kim Chung**
Phó phòng Kế toán	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Báo cáo kết quả hoạt động

B02-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		370.485.450.987	202.471.546.504
01.1	1.1 Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	331.707.418.944	156.881.145.874
01.2	1.2 Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(4.016.450.602)	6.266.684.601
01.3	1.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	29.3	36.057.422.426	42.138.506.251
01.4	1.4 Chênh lệch giảm về đánh giá lại chứng quyền	29.2	6.737.060.219	(2.814.790.222)
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	29.4	69.313.069.043	55.312.791.015
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	29.5	646.559.759.154	318.478.598.985
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	29.6	1.005.798.000	920.000.000
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	30	931.581.759.246	350.101.297.732
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	18.113.149
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		17.730.620.036	16.870.686.377
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	31	103.090.105.070	119.447.817.916
11	9. Thu nhập hoạt động khác	32	77.996.494.912	51.928.909.968
20	**CỘNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG**		**2.217.763.056.448**	**1.115.549.761.646**

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		159.724.810.291	112.109.965.149
21.1	1.1 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	29.1	166.645.620.262	112.091.432.862
21.2	1.2 Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(4.476.262.999)	(7.846.438.315)
21.3	1.3 Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		3.118.671.992	2.772.939.344
21.4	1.4 Chênh lệch tăng về đánh giá lại chứng quyền	29.2	(5.563.218.964)	5.092.031.258
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	7.5	23.527.357.055	(8.870.000.000)
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	33	46.381.094.183	26.789.600.746
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	34	650.574.472.485	317.931.877.638
29	5. Chi phí nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		385.000.000	107.000.000
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		17.224.106.302	16.098.666.432
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính		41.471.525.454	54.770.078.063
32	7. Chi phí hoạt động khác	11	1.294.584.000	(28.668.398.046)
40	**CỘNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**		**940.582.949.770**	**490.268.789.982**

Báo cáo kết quả hoạt động *(Tiếp theo)*

B02-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		2.318.025.113	12.586.680
42	2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		3.416.120.258	2.827.416.265
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**		**5.734.145.371**	**2.840.002.945**
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phát hành	35	319.880.432.482	187.285.347.054
60	**Cộng chi phí tài chính**		**319.880.432.482**	**187.285.347.054**
61	**V. CHI PHÍ BÁN HÀNG**		**7.614.109.444**	**4.872.840.597**
62	**VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**36**	**242.856.924.387**	**103.094.176.005**
70	**VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**712.562.785.736**	**332.868.610.953**
	VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	Thu nhập khác	37	23.868.674.473	3.239.383.862
72	Chi phí khác		155.975.137	2.916.134
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**		**23.712.699.336**	**3.236.467.728**
90	**IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**736.275.485.072**	**336.105.078.681**
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		723.515.393.492	329.898.777.245
92	2. Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện		12.760.091.580	6.206.301.436

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
100	**X. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)**	**38**	**149.464.833.636**	**67.399.672.041**
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	38.1	146.912.815.320	66.158.411.754
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	38.2	2.552.018.316	1.241.260.287
200	**XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**586.810.651.436**	**268.705.406.640**
300	**XII. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**			
500	**XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG**		**2.216**	**1.730**
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	2.216	1.730

Người lập biểu	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bà Lê Thị Thu Hiền	**Ông Nguyễn Văn Học** Kế toán Trưởng	**Bà Nguyễn Kim Chung** Giám đốc Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

B03-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyếtminh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**736.275.485.072**	**336.105.078.681**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản:**		**286.607.409.782**	**126.894.184.265**
03	Khấu hao TSCĐ		22.103.983.238	14.791.178.689
04	Các khoản dự phòng		24.840.055.283	(37.538.398.046)
05	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	(12.586.680)
06	Dự chi lãi vay, lãi trái phiếu phát hành		319.880.432.482	187.285.347.054
08	Dự thu		(80.217.061.221)	(37.631.356.752)
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**(10.039.481.963)**	**(2.754.407.057)**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(10.039.481.963)	(2.754.407.057)
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(2.720.609.617)**	**(3.451.894.379)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL	29.2	(2.720.609.617)	(3.451.894.379)
30	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**1.010.122.803.274**	**456.792.961.510**
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(253.284.872.758)	(701.056.789.689)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(704.850.000.000)	(279.990.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay		(3.027.949.414.497)	(1.433.940.798.670)
34	Giảm tài sản tài chính AFS		(4.584.328.133)	13.518.785.000

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
35	Tăng/(giảm) phải thu bán các tài sản tài chính		117.226.806.100	(120.229.160.100)
36	Tăng phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		37.631.356.752	22.503.477.610
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		2.283.918.146	146.355.437.738
39	Tăng các khoản phải thu khác		(17.862.885.165)	(146.476.064.883)
40	(Tăng)/giảm các tài sản khác		(1.643.666.350)	1.490.481.870
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		106.488.015.465	7.697.209.011
42	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(35.387.042.074)	5.835.910.993
43	Thuế TNDN đã nộp	22	(133.859.888.738)	(52.694.394.141)
44	Lãi vay đã trả		(284.378.622.542)	(196.658.940.644)
45	Giảm phải trả cho người bán		(389.013.596.134)	396.063.172.453
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		1.111.996.849	672.782.878
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		27.738.066.455	12.234.108.373
48	Tăng phải trả người lao động		8.368.215.704	6.924.980.207
50	(Giảm)/tăng phải trả, phải nộp khác		(1.848.377.654.522)	496.880.531.201
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(5.390.220.792.168)**	**(1.364.076.309.283)**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

(Tiếp theo) *B03-CTCK*

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

(VNĐ)

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(90.924.742.266)	(17.384.625.098)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		291.755.316	(326.800.000)
70	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(90.632.986.950)**	**(17.711.425.098)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		786.395.880.000	299.953.620.000
72	Tiền chi trả vốn góp cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu phát hành		(532.663.500)	(15.822.100)
73	Tiền vay gốc		17.889.566.074.290	7.186.788.517.998
73.2	Tiền vay khác		17.889.566.074.290	7.186.788.517.998
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(13.173.205.346.778)	(6.258.239.264.600)
74.3	Tiền chi trả gốc vay khác		(13.173.205.346.778)	(6.258.239.264.600)
75	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(164.322.801.000)
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**5.502.223.944.012**	**1.064.164.250.298**
90	**LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**21.370.164.894**	**(317.623.484.083)**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**96.948.819.458**	**414.572.303.541**
101.1	Tiền		49.648.819.458	237.272.303.541
	Các khoản tương đương tiền		47.300.000.000	177.300.000.000
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**		**118.318.984.352**	**96.948.819.458**
103.1	Tiền		91.018.984.352	49.648.819.458
103.2	Các khoản tương đương tiền		27.300.000.000	47.300.000.000

Phần lưu chuyển tiền tệ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		276.427.382.628.868	84.523.929.035.310
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(279.119.567.459.430)	(85.355.222.559.350)
07	3. Nhận tiền gửi/(chi trả) để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		3.831.698.112.731	2.501.638.842.073
11	4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(11.473.058.492)	(8.766.216.471)
14	5. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		5.752.066.162.611	1.940.391.733.518
15	6. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(5.734.171.845.245)	(1.940.419.972.164)
20	**Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm**		**1.145.934.541.043**	**1.661.550.862.916**
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**2.531.036.532.005**	**869.485.669.089**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		2.531.036.532.005	869.485.669.089
32	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		2.516.821.135.267	858.050.647.695
33	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		5.023.102.737	2.214.488.747
35	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		9.192.294.001	9.220.532.647
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng**		**3.676.971.073.048**	**2.531.036.532.005**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		3.676.971.073.048	2.531.036.532.005
42	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		3.624.388.650.402	2.516.821.135.267
43	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng		25.495.811.279	5.023.102.737
45	Tiền gửi của Tổ chức phát hành		27.086.611.367	9.192.294.001

Người lập biểu	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bà Lê Thị Thu Hiền	**Ông Nguyễn Văn Học**	**Bà Nguyễn Kim Chung**
Phó phòng Kế toán	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam, Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

B04-CTCK

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
			Năm trước		Năm nay			
	Ngày 1/1/2020 (VNĐ)	Ngày 1/1/2021 (VNĐ)	Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	Tăng (VNĐ)	Giảm (VNĐ)	Ngày 31/12/2020 (VNĐ)	Ngày 31/12/2021 (VNĐ)
A	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.221.129.178.800	1.643.181.396.700	422.052.217.900	-	1.032.339.736.500	-	1.643.181.396.700	
1.1. Cổ phiếu phổ thông	1.221.242.800.000	1.643.310.840.000	422.068.040.000	-	1.032.872.400.000	-	1.643.310.840.000	2.676.183.240.000
1.2 Cổ phiếu quỹ	(113.621.200)	(129.443.300)	(15.822.100)	-	(532.663.500)	-	(129.443.300)	(662.106.800)
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	26.552.236.410	39.987.506.742	13.435.270.332	-	29.340.532.572	-	39.987.506.742	69.328.039.314
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	26.542.252.310	39.977.522.642	13.435.270.332	-	29.340.532.572	-	39.977.522.642	69.318.055.214
5. Các Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	1.625.982.305	1.625.982.305	-	-	-	-	1.625.982.305	1.625.982.305
6. Lợi nhuận chưa phân phối	393.986.566.921	335.596.064.315	268.705.406.640	327.095.909.246	586.810.651.435	326.654.017.675	335.596.064.315	595.752.698.075
a. Lợi nhuận đã thực hiện	403.804.003.603	340.448.459.848	263.740.365.491	327.095.909.246	576.602.578.171	326.654.017.675	340.448.459.848	590.397.020.344
b. Lợi nhuận chưa thực hiện	(9.817.436.682)	(4.852.395.533)	4.965.041.149	-	10.208.073.264	-	(4.852.395.533)	5.355.677.731
TỔNG CỘNG	**1.669.836.216.746**	**2.060.368.472.704**	**717.628.165.204**	**327.095.909.246**	**1.677.831.453.079**	**326.654.017.675**	**2.060.368.472.704**	**3.411.545.908.108**

Người lập biểu	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bà Lê Thị Thu Hiền	**Ông Nguyễn Văn Học**	**Bà Nguyễn Kim Chung**
Phó phòng Kế toán	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 1 năm 2022

Thuyết minh báo cáo tài chính

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam, Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán số 116/GP-UBCK do Uỷ ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu vào ngày 9 tháng 12 năm 2013 và Giấy phép Hoạt động Kinh doanh Chứng khoán mới nhất số 01/GPĐC-UBCK được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18 tháng 1 năm 2021.

Công ty có trụ sở chính tại tầng 7 và 8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có một (1) trụ sở chính và bảy (7) chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Hải Phòng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 671 người (31 tháng 12 năm 2020: 605 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021,

Tổng vốn điều lệ của Công ty

2.676.183.240.000 VNĐ

Vốn chủ sở hữu

3.411.545.908.108 VNĐ

Tổng tài sản

11.047.240.715.802 VNĐ

Mục tiêu đầu tư

Là công ty chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam với hoạt động chính bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư, bảo lãnh phát hành chứng khoán và tư vấn tài chính. Công ty hoạt động với mục tiêu trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trên thị trường, đóng góp vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đem lại những lợi ích cốt lõi cho khách hàng, các nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán;
- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán;
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu, cổ phiếu;
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác thực hiện các nghiệp vụ sau:
  - Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. Cơ sở trình bày

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC, Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12. Công ty cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm và báo cáo tài chính quý cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc lần lượt tại ngày 31 tháng 3, 30 tháng 6, 30 tháng 9 và 31 tháng 12 hàng năm.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định, hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành, tiền gửi về bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
  - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
  - Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
  - Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.3. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các chứng khoán cơ sở là tài sản đảm bảo cho các chứng quyền mua có bảo đảm được phân loại và ghi nhận ban đầu là tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi (tăng hoặc giảm) so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay " thuộc phần thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại là sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn như trình bày ở Thuyết minh số 4.6. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng cần trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.6. Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.
Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định dựa trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.7. Giá trị hợp lý/ giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị thị trường/hợp lý của chứng khoán được xác định theo các cơ sở sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán;
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (3) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên được xác định bằng với giá gốc cộng với lãi dự thu (nếu có).

4.8. Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.
Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh, các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.9. Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS cho mục đích bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10. Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.
Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.
Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.
Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.11. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các khoản phải thu quá hạn, Ban Tổng Giám đốc cũng đánh giá thêm về khả năng thu hồi dự kiến của các khoản nợ này để xác định mức dự phòng tương ứng.

4.12. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.13. Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận chuyển	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy vi tính	2 - 5 năm

4.14. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng; và
- Chi phí vật dụng văn phòng và các chi phí trả trước khác.

4.16. Các khoản vay và phát hành trái phiếu

Các khoản vay và trái phiếu được phát hành bởi Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc, bao gồm khoản tiền thu được trừ đi chi phí phát hành, tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.17. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá đã được xác định trước, tại hoặc trước một thời điểm đã được ấn định, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch giữa giá thực hiện và giá chứng khoán cơ sở tại thời điểm thực hiện.

Chứng quyền mua có bảo đảm được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý trên khoản mục "Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán".

Các khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành". Khoản chênh lệch giảm chứng quyền mua có bảo đảm theo giá trị hợp lý so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành".

Chi phí mua và phát hành chứng quyền được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Các khoản phải trả và chi phí trích trước khác

Các khoản phải trả và chi phí trích trước khác được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.18. Lợi ích của nhân viên

4.18.1. Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Theo quy định, Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng của nhân viên. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác về trợ cấp nghỉ hưu của nhân viên.

4.18.2. Trợ cấp thôi việc phải trả

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.18.3. Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Thông tư số 32/2010/TT-BLĐTBXH hướng dẫn Nghị định số 127/2008/NĐ-CP về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

4.19. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng quyền có bảo đảm

Thu nhập từ mua chứng quyền có bảo đảm trong kỳ được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá mua và giá vốn bình quân của chứng quyền.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái có lãi được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của chứng quyền và mức chênh giữa giá thanh toán và giá thực hiện của chứng quyền tại thời điểm đáo hạn.

Thu nhập phát sinh khi chứng quyền có đảm bảo đáo hạn ở trạng thái lỗ hoặc hòa vốn bằng giá trị ghi sổ của các chứng quyền tương ứng.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.20. Chi phí tiền lãi

Chi phí tiền lãi bao gồm lãi phải trả tiền vay và lãi phải trả của trái phiếu do Công ty phát hành và các khoản tiền lãi phát sinh từ các dịch vụ khác của Công ty. Chi phí tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

4.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.22. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và chi phí/thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4.23. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.24. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được phê duyệt theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.25. Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Công ty	91.018.984.352	49.648.819.458
Các khoản tương đương tiền	27.300.000.000	47.300.000.000
TỔNG CỘNG	**118.318.984.352**	**96.948.819.458**

6. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Năm 2021		Năm 2020	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VNĐ)
Của Công ty	**443.618.903**	**27.801.842.170.000**	**619.544.290**	**15.127.551.225.400**
Cổ phiếu	87.942.403	4.117.302.834.000	93.103.150	2.753.656.811.400
Trái phiếu	219.460.000	23.243.892.200.000	109.280.000	11.570.387.200.000
Chứng khoán khác	136.216.500	440.647.136.000	417.161.140	803.507.214.000
Của nhà đầu tư	**23.129.788.849**	**570.702.258.169.162**	**10.946.506.031**	**176.749.886.617.660**
Cổ phiếu	22.432.987.349	563.151.959.903.770	10.689.890.991	176.198.811.167.760
Trái phiếu	45.310.930	5.142.235.409.392	470.000	48.344.550.000
Chứng khoán khác	651.490.570	2.408.062.856.000	256.145.040	502.730.899.9000
TỔNG CỘNG	**23.573.407.752**	**598.504.100.339.162**	**11.566.050.321**	**191.877.437.843.060**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính

7.1. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)
Cổ phiếu niêm yết	92.501.168.787	93.600.823.000	124.215.792.649	124.855.634.464
HPG	1.949.239.140	1.800.876.800	42.436.185.051	43.279.603.000
TCB	60.337.546	58.900.000	17.096.216.429	20.969.550.000
MSN	-	-	18.075.097.896	19.106.388.000
VNM	5.909.189.653	5.753.030.400	16.218.455.127	16.268.646.400
PNJ	-	-	7.272.234.294	7.654.176.000
VPB	-	-	3.982.178.682	4.301.862.500
SD3	793.436	825.600	9.157.541.200	3.323.988.000
VRE	10.478.751	8.337.700	2.890.008.883	3.168.950.800
MWG	-	-	2.141.697.926	2.198.698.800
STB	94.820.243	105.745.500	1.094.000.984	1.147.053.700
FPT	13.876.192.149	13.703.550.000	1.068.410.405	1.102.096.800
ACB	27.771.715.300	28.996.801.500	-	-
KDH	26.358.345	32.232.000	-	-
VHM	20.105.439.280	19.920.424.000	-	-
Cổ phiếu niêm yết	22.696.604.944	23.220.099.500	2.783.765.772	2.334.620.464
Chứng chỉ tiền gửi	706.952.054.700	706.952.054.700	305.769.259.000	305.769.259.000
Trái phiếu chưa niêm yết	197.592.000.000	197.592.000.000	688.187.286.189	688.187.286.189
Trái phiếu niêm yết	724.202.987.109	724.202.987.108	349.791.000.000	349.791.000.000
TỔNG CỘNG	**1.721.248.210.596**	**1.722.347.864.808**	**1.467.963.337.838**	**1.468.603.179.653**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính

7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Trong đó, chứng khoán sử dụng làm tài sản bảo đảm cho chứng quyền có giá gốc và giá trị hợp lý như sau:

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)
FPT	7.145.602.987	7.056.654.000	1.042.460.106	1.069.650.900
HDB	-	-	-	47.500
HPG	14.240.998	13.316.800	42.368.924.224	43.200.019.000
KDH	3.761.691	4.590.000	361.908.162	386.760.000
MSN	1.079.758	1.710.000	18.074.424.770	19.105.499.000
MWG	4.340.792	4.077.000	2.134.710.246	2.191.327.000
PNJ	2.609.130	2.886.000	7.234.395.986	7.608.330.000
STB	-	-	1.086.994.990	1.139.060.000
TCB	-	-	17.096.216.429	20.969.550.000
VNM	5.269.324.023	5.269.324.023	16.137.037.847	16.186.828.800
VPB	2.859.613	1.790.000	3.947.499.357	4.255.875.000
ACB	27.721.797.512	28.942.050.000	-	-
VRE	-	-	2.877.907.640	3.155.700.000
TỔNG CỘNG	**40.165.616.504**	**41.296.397.823**	**112.362.479.757**	**119.268.647.200**

7.2. Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	1.584.415.039.025	739.565.039.025
Tài sản dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	150.000.000.000
TỔNG CỘNG	**1.594.415.039.025**	**889.565.039.025**

Trong đó, tổng số tiền gửi ký quỹ đảm bảo thanh toán tại Ngân hàng lưu ký của tổ chức phát hành như sau:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	22.302.500.000	70.750.000.000

7.3. Các khoản cho vay

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)
Cho vay hoạt động ký quỹ	6.140.319.882.544	6.140.319.882.544	3.737.988.034.551	3.737.988.034.551
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng	1.010.969.293.749	1.010.969.293.749	385.351.727.245	385.351.727.245
TỔNG CỘNG	**7.151.289.176.293**	**7.151.289.176.293**	**4.123.339.761.796**	**4.123.339.761.796**

7.4. Tài sản tài chín sẵn sàng để bán (AFS)

	31/12/2021		31/12/2020	
	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)	Giá gốc (VND)	Giá trị hợp lý (VND)
Cổ phiếu chưa niêm yết	117.949.857.502	35.366.771.002	113.365.529.369	54.309.799.924

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính

7.5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

	31/12/2021				31/12/2020	(Trích lập)/ Hoàn nhập trong năm (VNĐ)
	Số lượng	Giá gốc (VNĐ)	Giá trị ghi sổ (VNĐ)	Giá trị dự phòng (VNĐ)	Giá trị dự phòng (VNĐ)	
Tài sản tài chính AFS						
CTCP Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	1.710.000	46.768.500.000	17.100.000.000	(29.668.500.000)	(24.538.500.000)	(5.130.000.000)
CTCP Chế biến Thủy sản Út Xi	894.705	26.214.856.500	3.578.820.000	(22.636.036.500)	(19.057.216.500)	(3.578.820.000)
CTCP công nghiệp cao su COECCO	492.000	7.380.000.000	2.952.000.000	(4.428.000.000)	(2.460.000.000)	(1.968.000.000)
TCT Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam	2.500.000	30.000.000.000	8.750.000.000	(21.250.000.000)	(10.000.000.000)	(11.250.000.000)
Công ty Cổ phần Viet Lotus	457.300	4.573.000.000	2.972.450.000	(1.600.550.000)	-	(1.600.550.000)
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	300.553	3.013.501.002	13.501.002	(3.000.000.000)	(3.000.012.945)	12.945
TỔNG CỘNG	**6.354.558**	**117.949.857.502**	**35.366.771.002**	**(82.583.086.500)**	**(59.055.729.445)**	**(23.527.357.055)**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. Các loại tài sản tài chính

7.5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính AFS:

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Số dư đầu năm	**59.055.729.445**	**67.925.729.445**
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	23.527.357.055	(8.870.000.000)
Số dư cuối năm	**82.583.086.500**	**59.055.729.445**

7.6. Tình hình biến động giá trị hợp lý của các tài sản tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	31/12/2021			
		Chênh lệch đánh giá		
Các loại tài sản tài chính (VND)	Giá mua (VNĐ)	Chênh lệch tăng (VNĐ)	Chênh lệch giảm (VNĐ)	Giá trị đánh giá lạ (VNĐ)
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	92.501.168.787	3.253.840.587	(2.154.186.375)	93.600.822.999
Trái phiếu niêm yết	724.202.987.109	-	-	724.202.987.109
Trái phiếu chưa niêm yết	197.592.000.000	-	-	197.592.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	706.952.054.700	-	-	706.952.054.700
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	114.949.857.502	157.600	(58.333.086.500)	56.616.928.602
Đầu tư khác	3.000.000.000		(3.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**1.839.198.068.098**	**3.253.998.187**	**(63.487.272.875)**	**1.778.964.793.410**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	31/12/2020			
		Chênh lệch đánh giá		
Các loại tài sản tài chính (VND)	Giá mua (VND)	Chênh lệch tăng (VND)	Chênh lệch giảm (VND)	Giá trị đánh giá lại (VND)
FVTPL				
Cổ phiếu niêm yết	124.215.792.649	7.270.291.189	(6.630.449.374)	124.855.634.464
Trái phiếuniêm yết	349.791.000.000	-	-	349.791.000.000
Trái phiếu chưa niêm yết	688.187.286.189	-	-	688.187.286.189
AFS				
Cổ phiếu chưa niêm yết	110.365.529.369	-	(56.055.729.445)	54.309.799
Đầu tư khác	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-
TỔNG CỘNG	**1.275.559.608.207**	**7.270.291.189**	**(65.686.178.819)**	**1.217.143.720.577**

8. Các khoản phải thu

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải thu bán các tài sản tài chính	3.002.354.000	120.229.160.100
Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	36.417.255.215	5.813.239.017
Phải thu cổ tức	143.949.200	134.666.300
Phải thu tiền lãi - Công cụ thị trường tiền tệ	3.630.821.918	107.123.287
Phải thu lãi cho vay margin	32.642.484.097	5.571.449.430
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính chưa đến ngày nhận	43.799.806.006	31.818.117.735
Dự thu lãi trái phiếu	5.668.521.792	7.697.712.409
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	38.131.284.214	24.120.405.326
TỔNG CỘNG	**83.219.415.221**	**157.860.516.852**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải thu hoạt động tư vấn tài chính	20.251.006.000	21.889.250.000
Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư và hợp tác kinh doanh chứng khoán	-	-
Phải thu dịch vụ khác	323.535.525	1.310.766.403
Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	219.052.940	61.638
Phải thu của khách hàng dịch vụ tài chính khác	195.719.499	68.154.069
TỔNG CỘNG	**20.989.313.964**	**23.268.232.110**

10. Các khoản phải thu khác

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phí giao dịch phải thu và phải thu khác	10.061.633.840	5.959.803.591
TỔNG CỘNG	**10.061.633.840**	**5.959.803.591**

11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Dự phòng phải thu các dịch vụ do CTCK cung cấp	4.082.784.000	3.361.200.000
Dự phòng phải thu khác	18.114.228	138.700.000
TỔNG CỘNG	**4.100.898.228**	**3.499.900.000**

Biến động dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu trong năm:

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Số dư đầu năm	**3.499.900.000**	**239.856.965.345**
Hoàn nhập trong năm	1.294.584.000	(28.668.398.046)
Xử lý khoản phải thu tổn thất bằng nguồn dự phòng trong năm	(711.700.000)	(207.688.667.299)
Số dư cuối năm	**4.082.784.000**	**3.499.900.000**

12. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Chi phí trả trước tiền thuê văn phòng	885.030.444	645.685.425
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	38.137.367	-
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ	7.139.004.952	2.179.807.489
Chi phí trả trước khác	15.951.135.785	1.653.905.409
TỔNG CỘNG	**24.013.308.548**	**4.479.398.323**

13. Cầm cố, thế chấp, ký cược,ký quỹ ngắn hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Đặt cọc thuê văn phòng	-	133.478.223
Đặt cọc khác	15.090.000.000	15.090.000.000
TỔNG CỘNG	**15.090.000.000**	**15.223.478.223**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc, thiết bị (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	92.416.675.563	7.134.006.999	4.980.292.173	104.530.974.735
Mua trong năm	57.986.469.000	-	1.279.826.000	59.266.295.000
Giảm trong năm	(129.390.800)	-	(96.486.858)	(225.877.658)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	150.273.753.763	7.134.006.999	6.163.631.315	163.571.392.077
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	61.249.510.060	4.105.989.631	3.566.664.241	68.922.163.932
Khấu hao trong năm	12.122.003.274	976.663.272	989.699.212	14.088.365.758
Giảm trong năm	(99.771.905)	-	(96.486.858)	(196.258.763)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	73.271.741.429	5.082.652.903	4.459.876.595	82.814.270.927
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	31.167.165.503	3.028.017.368	1.413.627.932	35.608.810.803
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	77.002.012.334	2.051.354.096	1.703.754.720	80.757.121.150

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 52.123.623.088 đồng (31 tháng 12 năm 2020: 52.123.623.088 đồng).

Biến động số dư tài sản cố định hữu hình năm 2020 như sau:

	Máy móc, thiết bị (VNĐ)	Phương tiện vận tải (VNĐ)	Thiết bị dụng cụ quản lý (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyên giá				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	81.807.265.623	8.102.006.999	4.980.292.173	94.889.564.795
Mua trong năm	10.742.811.200	-	-	10.742.811.200
Giảm trong năm	(133.401.260)	(968.000.000)	-	(1.101.401.260)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	92.416.675.563	7.134.006.999	4.980.292.173	104.530.974.735
Khấu hao lũy kế				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	54.167.588.778	4.097.326.359	3.089.555.740	61.354.470.877
Khấu hao trong năm	7.215.322.542	976.663.272	477.108.501	8.669.094.315
Giảm trong năm	(133.401.260)	(968.000.000)	-	(1.101.401.260)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	61.249.510.060	4.105.989.631	3.566.664.241	68.922.163.932
Giá trị còn lại				
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	27.639.676.845	4.004.680.640	1.890.736.433	33.535.093.918
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	31.167.165.503	3.028.017.368	1.413.627.932	35.608.810.803

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính (VNĐ)
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	32.872.301.271
Mua trong năm	32.078.447.266
Giảm trong năm	(210.000.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	64.740.748.537
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	15.327.793.069
Hao mòn trong năm	8.464.097.986
Giảm trong năm	(26.344.085)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	23.765.546.970
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2021	17.544.508.202
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	40.975.201.567

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1.608.233.300 đồng (31 tháng 12 năm 2020: 1.608.233.300 đồng).

Biến động số dư tài sản cố định vô hình năm 2020 như sau:

	Phần mềm máy tính (VNĐ)
Nguyên giá	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	25.895.687.373
Mua trong năm	7.311.413.898
Giảm trong năm	(334.800.000)
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	32.872.301.271
Hao mòn lũy kế	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	9.205.708.695
Hao mòn trong năm	6.122.084.374
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	15.327.793.069
Giá trị còn lại	
Ngày 1 tháng 1 năm 2020	16.689.978.678
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	17.544.508.202

16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Chi phí thuê nhà dài hạn	54.867.617.547	58.882.750.431
Chi phí lắp đặt sửa chữa chờ phân bổ dài hạn	7.912.468.740	1.577.625.539
Chi phí công cụ dụng cụ phân bổ dài hạn	5.003.700.749	4.824.102.242
Chi phí đồng phục dài hạn	724.987.114	2.081.629.470
Chi phí trả trước dài hạn khác	14.660.707.815	5.980.434
Chi phí trả trước không phân bổ định kỳ dài hạn	55.738.000	-
TỔNG CỘNG	**83.225.219.965**	**67.372.088.116**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Theo Quyết định số 57/QĐ-VSD ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Tổng Giám đốc VSD, Quyết định số 87/2007/QĐ-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán và Thông tư số 43/2010/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2010 về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, Quyết định số 27/QĐ-VSD ngày 13 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ thanh toán của Tổng Giám đốc VSD, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại VSD và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Số dư đầu năm	**15.456.433.957**	**12.956.433.957**
Tiền nộp thêm	2.500.000.000	2.500.000.000
Lãi phân bổ	-	-
Số dư cuối năm	**17.956.433.957**	**15.456.433.957**

18. Tài sản dài hạn khác

Tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD"). Theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Giám đốc VSD về việc ban hanh Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ bù trừ ("Quyết định 97"), Quyết định số 145/QĐ-VSD ngày 4 tháng 8 năm 2017 về việc sửa đổi Quyết định 97, thành viên bù trừ có trách nhiệm đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền (VND) hoặc chứng khoán. Tỷ lệ đóng góp vào Quỹ bù trừ bằng tiền tối thiểu do VSD quy định cụ thể.
Chi tiết tiền nộp Quỹ bù trừ cho giao dịch phái sinh như sau:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Số dư đầu năm	**10.089.791.367**	**10.069.607.035**
Lãi trong năm	20.150.229	20.184.332
Số dư cuối năm	**10.109.941.596**	**10.089.791.367**

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Vay ngắn hạn tổ chức tín dụng	4.509.200.000.000	2.206.843.000.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Hà Nội	460.000.000.000	720.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	350.000.000.000	305.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBC - CN HCM	100.000.000.000	100.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	90.000.000.000	241.800.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	260.000.000.000	200.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam	199.000.000.000	95.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	300.000.000.000	199.491.000.000
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng	400.000.000.000	198.242.000.000
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên Shinhan Việt Nam	100.000.000.000	47.500.000.000
Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	-	99.810.000.000
Ngân hàng Daegu - chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	116.000.000.000	-
Ngân hàng KB Kookmin Bank	458.850.000.000	-
Ngân hàng SinoPac – chi nhánh Hong Kong	226.900.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Quốc tế Mega	228.230.000.000	-
Ngân hàng quốc tế Taishin	455.220.000.000	-
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	200.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	150.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex	415.000.000.000	-
Vay ngắn hạn các đối tượng khác	1.757.214.308.030	-
TỔNG	**6.266.414.308.030**	**2.206.843.000.000**

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn từ 1 tháng đến 12 tháng với lãi suất từ 2,3% đến 7%/năm cho mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản vay được đảm bảo bằng tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại ngân hàng và chứng khoán chưa niêm yết thuộc sở hữu của Công ty và trái phiếu chưa niêm yết mã BIDL2128007 thuộc sở hữu của Công ty.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải trả chứng quyền	10.435.038.000	29.131.447.400
Phải trả Sở Giao dịch Chứng khoán	18.156.210.424	9.703.331.620
Phải trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	1.643.520.535	1.374.588.919
TỔNG CỘNG	**30.234.768.959**	**40.209.367.939**

Trong đó, chi tiết chứng quyền Công ty phát hành trong năm như sau:

	Số lượng được phép phát hành	Số lượng đang lưu hành
CVNM2110	2.500.000	1.662.400
CFPT2106	2.000.000	1.637.900
CACB01MBS21CE	4.000.000	3.744.200
CMWG02MBS21CE	4.000.000	30.900
CTPB01MBS21CE	4.000.000	68.300
CVIC01MBS21CE	4.000.000	1.919.500
CVPB02MBS21CE	4.000.000	339.600
TỔNG CỘNG	**24.500.000**	**9.402.800**

21. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải trả tiền mua các tài sản tài chính	1.866.054.000	397.240.843.300
Phải trả cung cấp dịch vụ	18.438.374.797	11.277.953.461
TỔNG CỘNG	**20.304.428.797**	**408.518.796.761**

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	899.094.667	545.702.131
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.020.813.563	21.967.886.981
Thuế thu nhập cá nhân	50.294.221.229	22.441.096.192
Các loại thuế khác	117.697.075	550.679.794
TỔNG CỘNG	**86.331.826.534**	**45.505.365.098**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Biến động thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong năm:

	Số phải thu đầu năm (VNĐ)	Số phải trả đầu năm (VNĐ)	Số phải nộp trong năm (VNĐ)	Số đã nộp trong năm (VNĐ)	Số phải thu cuối năm (VNĐ)	Số phải trả cuối năm (VNĐ)
Thuế giá trị gia tăng	-	545.702.131	7.760.338.833	7.406.946.297	-	899.094.667
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.967.886.981	146.912.815.320	133.859.888.738	-	35.020.813.563
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.441.096.192	437.637.812.389	409.784.687.352	-	50.294.221.229
Các loại thuế khác	-	550.679.794	3.743.574.154	4.176.556.873	35.468.399	117.697.075
TỔNG CỘNG	**-**	**45.505.365.098**	**596.054.540.696**	**555.228.079.260**	**35.468.399**	**86.331.826.534**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Dự trả lãi trái phiếu phát hành	11.496.791.102	2.752.663.580
Dự trả lãi vay các tổ chức tín dụng	10.706.220.023	4.267.044.398
Dự trả cho các lãi hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân và tổ chức	35.970.682.629	15.652.175.836
Chi phí phải trả khác	133.301.323.652	26.813.308.187
TỔNG CỘNG	**191.475.017.406**	**49.485.192.001**

24. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Nhận ký quỹ, ký cược theo hợp đồng hợp tác kinh doanh với khách hàng	158.248.586.015	1.998.030.365.477

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn theo hợp đồng hợp tác với các nhà đầu tư (tổ chức, cá nhân) thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán, thời hạn từ 1 tuần đến 12 tháng tại ngày 31/12/2021 từ 5,895% đến 8,837%/năm tính trên số dư tài khoản ký quỹ, ký cược. (31/12/2020: 1,8% - 9,563%/năm)

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải trả cho các dịch vụ tài chính khác	-	620.225.074
Các khoản phải trả khác	10.167.563.241	7.054.080.486
TỔNG CỘNG	**10.167.563.241**	**7.674.305.560**

26. Trái phiếu phát hành dài hạn

Năm phát hành	Lô	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
2018	Lô 1	8,300%	2021	-	7.000.000.000
	Lô 2	8,225%	2021	-	9.000.000.000
2019	Lô 1	7,125%	2022	15.000.000.000	-
	Lô 2	7,225%	2022	10.000.000.000	-
	Lô 3	7,6%	2022	-	82.000.000.000
	Lô 4	7,35%	2022	-	81.000.000.000
2021	Lô 1	7,5000%	2022	520.000.000.000	-
	Lô 2	7,2000%	2023	200.000.000.000	-
	Lô 3	7,3000%	2023	90.000.000.000	-
Chi phí phát hành				(18.605.254)	(808.024.736)
Trái phiếu phát hành dài hạn				**834.981.394.746**	**178.191.975.264**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. Vốn chủ sở hữu

27.1. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu (VNĐ)	Cổ phiếu quỹ (VNĐ)	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (VNĐ)	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ (VNĐ)	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (VNĐ)	Lợi nhuận chưa phân phối (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	**1.221.242.800.000**	**(113.621.200)**	**26.552.236.410**	**26.542.252.310**	**1.625.982.305**	**393.986.566.921**	**1.669.836.216.746**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	268.705.406.640	268.705.406.640
Mua cổ phiếu quỹ	-	(15.822.100)	-	-	-	-	(15.822.100)
Trích lập quỹ	-	-	13.435.270.332	13.435.270.332	-	(26.870.540.664)	-
Phát hành cổ phiếu	299.953.620.000	-	-	-	-	-	299.953.620.000
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	122.114.420.000	-	-	-	-	(122.114.420.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.788.147.582)	(13.788.147.582)
Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(164.322.801.000)	(164.322.801.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	**1.643.310.840.000**	**(129.443.300)**	**39.987.506.742**	**39.977.522.642**	**1.625.982.305**	**335.596.064.315**	**2.060.368.472.704**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	586.810.651.435	586.810.651.435
Trích lập quỹ	-	-	29.340.532.572	29.340.532.572	-	(58.681.065.144)	-
Phát hành cổ phiếu	786.395.880.000	-	-	-	-	-	786.395.880.000
Mua cổ phiếu quỹ	-	(532.663.500)	-	-	-	-	(532.663.500)
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	246.476.520.000	-	-	-	-	(246.476.520.000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(21.496.432.531)	(21.496.432.531)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	**2.676.183.240.000**	**(662.106.800)**	**69.328.039.314**	**69.318.055.214**	**1.625.982.305**	**595.752.698.075**	**3.411.545.908.108**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. Vốn chủ sở hữu

27.2. Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2021 (VND)	31/12/2020 (VND)
Lợi nhuận đã thực hiện	590.397.020.344	340.448.459.848
Lợi nhuận chưa thực hiện	5.355.677.731	(4.852.395.533)
TỔNG CỘNG	**595.752.698.075**	**335.596.064.315**

27.3. Cổ phiếu

	31/12/2021	31/12/2020
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**267.618.324**	**164.331.084**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**267.918.324**	**164.331.084**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	267.918.324	164.331.084
– Cổ phiếu phổ thông	267.918.324	164.331.084
– Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	**(27.683)**	**(9.554)**
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	(27.683)	(9.554)
– Cổ phiếu phổ thông	(27.683)	(9.554)
– Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**267.590.641**	**164.321.530**
– Cổ phiếu phổ thông	267.590.641	164.321.530
– Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Đơn vị: cổ phiếu

28. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

28.1. Chứng chỉ có giá nhận giữ hộ

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	9.883.660.000	9.883.660.000
TỔNG CỘNG	**9.883.660.000**	**9.883.660.000**

28.2. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Dịch vụ hợp đồng có cam kết mua bán lại	45.343.493.003	46.277.548.074
Dịch vụ tài chính niêm yết	147.418.712.942	246.403.411.744
Dịch vụ tài chính khác	170.243.010.194	170.578.170.194
Nợ khó đòi đã xử lý khác	191.419.096.004	207.737.692.399
TỔNG CỘNG	**554.424.312.143**	**670.996.822.411**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

28.3. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán ("VSD) của CTCK

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản tài chính		
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	847.777.200.000	136.165.410.000
Tài sản tài chính ký quỹ đảm bảo khoản vay	793.339.000.000	13.063.050.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	13.063.050.000	101.697.700.000
TỔNG CỘNG	**1.654.179.250.000**	**250.926.160.000**

28.4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của CTCK

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	73.519.860.000	112.669.860.000

28.5. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán của Nhà đầu tư

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	21.615.007.140.000	18.024.525.240.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.448.225.230.000	852.294.400.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	8.275.871.640.000	7.816.888.050.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	2.727.061.740.000	2.858.544.630.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	1.079.632.490.000	746.531.030.000
TỔNG CỘNG	**35.145.798.240.000**	**30.298.783.350.000**

28.6. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	12.765.570.000	21.772.550.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	364.763.200.000	369.700.070.000
TỔNG CỘNG	**377.528.770.000**	**391.472.620.000**

28.7. Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư trong nước	1.083.084.280.000	675.478.750.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư nước ngoài	1.817.000.000	139.300.000
TỔNG CỘNG	**1.084.901.280.000**	**675.618.050.000**

28.8. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Nhà đầu tư trong nước	858.240.000	1.632.360.000
TỔNG CỘNG	**858.240.000**	**1.632.360.000**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. Thuyết minh về các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

28.9. Tiền gửi của Nhà đầu tư

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.479.715.514.579	2.327.950.076.198
– Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.066.929.744.761	2.326.199.883.804
– Tiền gửi của Nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	43.512.575.951	1.750.192.394
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư để theo dõi tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư	369.273.193.867	85.670.477.302
Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSD	144.673.135.823	103.200.581.767
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	25.495.811.279	5.023.102.737
TỔNG CỘNG	**3.649.884.461.681**	**2.521.844.238.004**

28.10. Tiền gửi của Tổ chức phát hành

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Tiền gửi bán chứng khoán bảo lãnh, đại lý phát hành	26.905.801.364	84.738.364
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	180.810.003	9.107.555.637
TỔNG CỘNG	**27.086.611.367**	**9.192.294.001**

28.11. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.618.928.606.100	2.501.824.003.728
Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30.955.855.581	20.020.234.276
TỔNG CỘNG	**3.649.884.461.681**	**2.521.844.238.004**

28.12. Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Trần Thúy Vân Vi	-	70.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	10.953.000	10.953.000
Công ty CP du lịch Kim Liên	488.085	488.085
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán khác	26.894.360.279	3.297.279
TỔNG CỘNG	**26.905.801.364**	**84.738.364**

28.13. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	180.810.003	9.107.555.637
TỔNG CỘNG	**180.810.003**	**9.107.555.637**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (VNĐ)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
1	Cổ phiếu niêm yết	34.950.623	1.701.290.791.815	1.506.693.782.406	194.597.009.409	41.289.777.504
	HPG	9.700.600	481.252.305.000	422.007.366.544	59.244.938.456	11.595.822.334
	STB	9.213.500	245.657.985.000	215.233.683.278	30.424.301.722	3.130.362.306
	VPB	2.415.700	144.231.745.000	123.073.211.735	21.158.533.265	434.397.758
	MSN	881.000	96.615.160.000	85.821.058.163	10.794.101.837	3.654.646.610
	KDH	2.405.70W0	93.094.130.000	81.987.680.338	11.106.449.662	231.321
	VRE	1.554.000	51.912.780.000	49.266.906.751	2.645.873.249	2.207.331
	FPT	983.300	79.097.640.000	64.512.602.906	14.585.037.094	2.272.851.772
	Cổ phiếu niêm yết khác	7.796.823	509.429.046.815	464.791.272.691	44.637.774.124	20.199.258.072
2	Chứng chỉ tiền gửi	727.452.669	79.693.328.106.808	79.681.668.946.448	11.659.160.360	4.274.220.678
3	Trái phiếu niêm yết	19.650.000	2.143.612.330.000	2.141.935.996.667	1.676.333.333	440.520.000
	TD2040032	3.000.000	321.168.000.000	319.712.666.667	1.455.333.333	9.000.000
	TD2141038	2.000.000	193.899.000.000	193.867.000.000	32.000.000	-

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (VNĐ)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
	TD2136026	1.120.000	103.392.380.000	103.384.580.000	7.800.000	-
	TD1424093	1.000.000	127.080.000.000	127.076.000.000	4.000.000	-
	TD1823088	1.000.000	106.012.000.000	106.009.000.000	3.000.000	-
	TD1926170	1.000.000	110.440.000.000	110.427.000.000	13.000.000	-
	TD2035026	1.000.000	106.308.000.000	106.294.000.000	14.000.000	24.000.000
	TD2131013	1.000.000	101.247.000.000	101.229.000.000	18.000.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	8.530.000	974.065.950.000	973.936.750.000	129.200.000	407.520.000
4	Trái phiếu chưa niêm yết	32.270.786	3.352.002.380.561	3.292.505.134.244	59.497.246.317	60.213.274.741
	NVLH2123010	10.359.959	1.066.524.186.682	1.043.179.714.878	23.344.471.804	-
	VCPBOND2020-02	6.331.002	663.024.648.881	650.001.862.089	13.022.786.792	13.965.367.059
	NVLH2122001	5.193.865	536.083.133.422	526.061.558.196	10.021.575.226	-
	HPXH2122005	2.417.253	248.104.846.975	243.739.847.148	4.364.999.827	-
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	7.968.707	838.265.564.601	829.522.151.933	8.743.412.668	46.247.907.682

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (VNĐ)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
5	Chứng quyền có bảo đảm	63.831.350	88.682.980.342	73.672.331.000	64.277.669.525	33.012.672.951
	Đáo hạn chứng quyền CVRE2104	2.500.000			8.544.613.827	-
	Đáo hạn chứng quyền CTCH2102	1.999.900			5.652.213.163	-
	Đáo hạn chứng quyền CVNM2103	2.999.350			5.363.027.409	-
	Đáo hạn chứng quyền CHPG2112	2.960.400			5.265.699.646	-
	Đáo hạn chứng quyền CVNM2104	2.000.000			4.438.701.270	-
	Mua chứng quyền CACB2101	5.075.200	8.101.832.521	7.157.162.000	944.670.521	-
	Mua chứng quyền CFPT2017	144.100	606.409.749	598.727.000	7.682.749	-
	Mua chứng quyền CFPT2101	481.300	2.589.068.338	1.956.970.000	632.098.338	-
	Mua chứng quyền CFPT2106	2.926.800	5.392.450.872	4.638.922.000	753.528.872	-
	Mua chứng quyền CHPG2026	327.900	3.112.144.393	2.961.407.000	150.737.393	
	Lãi mua một số chứng quyền khác	42.416.400	68.881.074.469	56.359.143.000	32.524.696.337	33.012.672.951
6	Hợp đồng tương lai	-	-	-	-	17.650.680.000
	TỔNG CỘNG	**878.155.428**	**86.978.916.589.526**	**86.696.476.190.765**	**331.707.418.944**	**156.881.145.874**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.2 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (VNĐ)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
1	Cổ phiếu niêm yết	11.337.100	484.559.580.000	509.222.759.163	24.663.179.163	41.372.370.174
	STB	2.149.700	47.591.320.000	49.945.543.513	2.354.223.513	12.143.790
	VRE	1.725.100	52.666.675.000	56.915.176.781	4.248.501.781	105.752.293
	TCB	1.614.900	78.342.620.000	80.836.658.474	2.494.038.474	503.965.466
	VNM	965.300	91.964.650.000	96.060.647.982	4.095.997.982	2.114.326.861
	TCH	800.600	17.353.740.000	21.074.667.516	3.720.927.516	-
	VHM	652.600	60.450.630.000	61.773.859.982	1.323.229.982	198.068.990
	Cổ phiếu niêm yết khác	3.428.900	136.189.945.000	142.616.204.915	6.426.259.915	38.438.112.774
2	Chứng chỉ tiền gửi	200.511	1.320.043.800.186	1.320.220.468.848	176.668.662	34.529.064
3	Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	7.520.000.000
4	Trái phiếu niêm yết	90.630.000	9.558.545.160.000	9.561.992.713.333	3.447.553.333	732.240.000
	TD2040032	11.450.000	1.214.717.800.000	1.216.363.433.333	1.645.633.333	-
	ANC11601	140.000	14.000.000.000	14.321.000.000	321.000.000	-
	TD2136026	13.000.000	1.335.259.000.000	1.335.558.500.000	299.500.000	-

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.2 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (VNĐ)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
4	TD2035026	17.800.000	1.881.523.600.000	1.881.781.300.000	257.700.000	67.400.000
	TD2136027	9.000.000	917.295.000.000	917.439.000.000	144.000.000	-
	TD2131015	5.400.000	547.441.700.000	547.576.900.000	135.200.000	-
	TD2141038	4.250.000	420.252.000.000	420.369.750.000	117.750.000	-
	Trái phiếu niêm yết khác	29.590.000	3.228.056.060.000	3.228.582.830.000	526.770.000	664.840.000
5	Trái phiếu chưa niêm yết	13.380.435	1.358.908.132.871	1.375.323.084.947	16.414.952.076	21.350.938.064
	BDIBOND2019-02	2.500.000	251.004.893.151	256.649.828.510	5.644.935.359	774.595.860
	NVLBOND2019-03	2.034.020	205.662.858.196	210.715.665.033	5.052.806.837	10.923.996.820
	NVLBOND2019-05	2.033.957	209.423.830.569	211.705.745.742	2.281.915.173	29.726.354
	BCMBOND2019-01	1.259.080	128.762.462.418	128.789.828.852	27.366.434	44.423.276
	HPXBOND2020-01	995.000	100.009.767.123	100.285.751.223	275.984.100	78.043.739
	Trái phiếu chưa niêm yết khác	4.558.378	464.044.321.414	467.176.265.587	3.131.944.173	9.500.152.015

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.1. Lãi/(Lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

29.1.2 Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán (VNĐ)	Tổng giá trị bán (VNĐ)	Giá vốn bình quân gia quyền (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm nay (VNĐ)	Lãi bán chứng khoán năm trước (VNĐ)
6	Chứng quyền	47.324.920	140.420.860.922	174.823.032.000	121.943.267.028	26.589.235.560
	Đáo hạn chứng quyền CHPG2104	705.650			14.961.037.567	-
	Đáo hạn chứng quyền CSTB2102	301.150			13.424.303.383	-
	Đáo hạn chứng quyền CVPB2102	318.700			12.386.745.336	-
	Đáo hạn chứng quyền CHPG2106	1.755.500			11.337.373.389	-
	Đáo hạn chứng quyền CHPG2026	521.020			9.325.547.904	-
	Mua chứng quyền CHPG2026	2.594.100	155.882.495.440	23.132.128.000	7.249.632.560	-
	Mua chứng quyền CSTB2102	1.496.300	12.224.495.950	16.133.906.000	3.909.410.050	-
	Mua chứng quyền CVPB2102	1.340.700	12.542.646.526	15.626.972.000	3.084.325.474	-
	Mua chứng quyền CFPT2017	2.823.900	10.754.787.128	13.251.425.000	2.496.637.872	-
	Mua chứng quyền CSTB2017	2.153.000	12.330.491.103	14.342.749.000	2.012.257.897	-
	Lỗ mua một số chứng quyền khác	33.314.900	76.685.944.775	92.335.852.000	41.755.995.596	26.589.235.560
7	Hợp đồng tương lai	-	-	-	-	14.492.120.000
	TỔNG CỘNG	**162.872.966**	**12.862.477.533.979**	**12.941.582.058.291**	**166.645.620.262**	**112.091.432.862**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VNĐ)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VNĐ)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VNĐ)	Chênh lệch tăng (VNĐ)	Chênh lệch giảm (VNĐ)
FVTPL							
Cổ phiếu niêm yết	**92.501.168.788**	**93.600.823.000**	**1.099.654.212**	**639.841.815**	**459.812.397**	**(4.016.450.602)**	**4.476.262.999**
VHM	20.105.439.280	19.920.424.000	(185.015.280)	662.130	(185.677.410)	(662.130)	(185.015.280)
HPG	1.949.239.140	1.800.876.800	(148.362.340)	843.417.949	(991.780.289)	(843.417.949)	(148.362.340)
VNM	5.909.189.653	5.753.030.400	(156.159.253)	50.191.273	(206.350.526)	(50.191.273)	(156.159.253)
FPT	13.876.192.149	13.703.550.000	(172.642.149)	33.686.395	(206.328.544)	(33.686.395)	(172.642.149)
KDH	26.358.345	32.232.000	5.873.655	24.906.852	(19.033.197)	(19.033.197)	-
ACB	27.771.715.300	28.996.801.500	1.225.086.200	9.605.456	1.215.480.744	1.215.480.744	-
TCB	60.337.546	58.900.000	(1.437.546)	3.873.333.571	(3.874.771.117)	(3.873.333.571)	(1.437.546)
SD3	793.436	825.600	32.164	(5.833.553.200)	5.833.585.364	32.164	5.833.553.200
VRE	10.478.751	8.337.700	(2.141.051)	278.941.917	(281.082.968)	(278.941.917)	(2.141.051)
STB	94.820.243	105.745.500	10.925.257	53.052.716	(42.127.459)	(42.127.459)	-
Cổ phiếu niêm yết khác	22.696.604.945	23.220.099.500	523.494.555	1.305.596.756	(782.102.201)	(90.569.619)	(691.532.582)
TỔNG CỘNG	**92.501.168.788**	**93.600.823.000**	**1.099.654.212**	**639.841.815**	**459.812.397**	**(4.016.450.602)**	**4.476.262.999**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Trong đó, chi tiết lãi, lỗ đánh giá lại tài sản cơ sở từ hoạt động phòng ngừa rủi ro của tổ chức phát hành chứng quyền như sau:

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VNĐ)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VNĐ)	Chênh lệch thuần điều chỉnh sổ kế toán trong năm (VNĐ)	Chênh lệch tăng (VNĐ)	Chênh lệch giảm (VNĐ)
MSN	1.079.758	1.710.000	630.242	-	630.242	630.242	-
HPG	14.240.998	13.316.800	(924.198)	(831.094.776)	830.170.578	-	830.170.578
VNM	-	-	-	(49.790.953)	49.790.953	-	49.790.953
FPT	7.145.602.987	7.056.654.000	(88.948.987)	(27.190.794)	(61.758.193)	-	(61.758.193)
KDH	3.761.691	4.590.000	828.309	(24.851.838)	25.680.147	828.309	24.851.838
ACB	27.721.797.512	28.942.050.000	1.220.252.488	-	1.220.252.488	1.220.252.488	-
TCB	-	-	-	(3.873.333.571)	3.873.333.571	-	3.873.333.571
MWG	4.340.792	4.077.000	(263.792)	-	(263.792)	-	(263.792)
VRE	-	-	-	(277.792.360)	277.792.360	-	277.792.360
STB	-	-	-	(52.065.010)	52.065.010	-	52.065.010
VNM	-	-	-	(49.790.953)	49.790.953	-	49.790.953
VPB	1.079.758	1.426.000	346.242	1.031.074.230	(1.030.727.988)	(1.030.727.988)	-
PNJ	4.340.792	3.834.000	(506.792)	56.616.754	(57.123.546)	(56.616.754)	(506.792)
HDB	2.859.613	3.295.000	435.387	308.375.643	(307.940.256)	(307.940.256)	-
TỔNG CỘNG	**34.899.103.901**	**36.030.952.800**	**1.131.848.899**	**(3.789.843.628)**	**4.921.692.527**	**(173.573.959)**	**5.095.266.486**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.2. Chênh lệch về đánh giá lại các tài sản tài chính

Lãi lỗ đánh giá lại chứng quyền của tổ chức phát hành:

Danh mục các loại tài sản tài chính	Giá trị mua theo sổ kế toán (VNĐ)	Giá trị hợp lý (VNĐ)	Số dư chênh lệch đánh giá lại cuối năm (VNĐ)	Số dư chênh lệch đánh giá lại đầu năm (VNĐ)	Chênh lệch giảm lũy kế (VNĐ)	Chênh lệch tăng lũy kế (VNĐ)
CACB2101	4.563.928.482	3.556.990.000	(1.006.938.482)	-	(1.006.938.482)	-
CFPT2106	1.977.479.390	1.031.877.000	(945.602.390)	-	(945.602.390)	-
CVNM2110	890.604.178	149.616.000	(740.988.178)	-	(740.988.178)	-
CVPB02MBS21CE	781.080.000	781.080.000	-	-	-	-
CVIC01MBS21CE	4.664.385.000	4.664.385.000	-	-	-	-
CTPB01MBS21CE	170.750.000	170.750.000	-	-	-	-
CMWG02MBS21CE	80.340.000	80.340.000	-	-	-	-
Khác	-	-	-	(4.910.336.231)	9.430.589.269	(5.563.218.964)
TỔNG CỘNG	**13.128.567.050**	**10.435.038.000**	**(2.693.529.050)**	**(4.910.336.231)**	**6.737.060.219**	**(5.563.218.964)**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. Lãi/(Lỗ) từ các tài sản tài chính

29.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Cổ tức	3.166.554.906	1.620.557.285
Trái tức	32.890.867.520	40.517.948.966
TỔNG CỘNG	**36.057.422.426**	**42.138.506.251**

29.4. Lãi từ các khoản đầu từ nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	69.313.069.043	55.312.791.015
Trái tức	-	-
Lãi chứng chỉ tiền gửi	-	-
TỔNG CỘNG	**69.313.069.043**	**55.312.791.015**

29.5. Lãi phát sinh từ các khoản cho vay và phải thu

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Thu nhập lãi cho vay giao dịch ký quỹ	542.656.998.988	296.068.347.832
Thu nhập lãi ứng trước tiền bán chứng khoán của khách hàng	103.902.760.166	22.410.251.153
TỔNG CỘNG	**646.559.759.154**	**318.478.598.985**

29.6. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Cổ tức	1.005.798.000	920.000.000
TỔNG CỘNG	**1.005.798.000**	**920.000.000**

30. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán môi giới	907.816.221.346	312.761.002.452
Doanh thu phí giao dịch chứng khoán phái sinh	22.801.889.900	37.340.295.280
Doanh thu môi giới khác	963.648.000	-
TỔNG CỘNG	**931.581.759.246**	**350.101.297.732**

31. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	4.674.586.817	5.129.227.271
Doanh thu thu xếp phát hành trái phiếu	98.415.518.253	114.318.590.645
TỔNG CỘNG	**103.090.105.070**	**119.447.817.916**

32. Thu nhập hoạt động khác

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	1.776.038.646	5.458.887.266
Doanh thu phí chuyển nhượng	3.483.171.997	2.020.652.518
Doanh thu dịch vụ Ngân hàng cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	59.765.099.286	28.288.941.945
Doanh thu dịch vụ khác	12.972.184.983	16.160.428.239
TỔNG CỘNG	**77.996.494.912**	**51.928.909.968**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. Chi phí hoạt động tự doanh

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	18.397.117.888	9.800.276.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.622.950.235	1.184.341.493
Chi phí khác	26.361.026.060	15.804.982.891
TỔNG CỘNG	**46.381.094.183**	**26.789.600.746**

34. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Phí giao dịch chứng khoán môi giới	162.054.651.577	64.404.913.998
Chi phí tiền lương và chi phí khác cho nhân viên	291.027.583.646	134.797.109.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.451.453.144	38.766.153.905
Chi phí lương kinh doanh cộng tác viên kinh doanh và các khoản chi khác	156.005.976.118	79.929.693.564
Phí thiết bị đầu cuối phân bổ cho hoạt động môi giới	34.808.000	34.006.804
TỔNG CỘNG	**650.574.472.485**	**317.931.877.638**

35. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Chi phí lãi trái phiếu phát hành	38.499.973.605	41.299.110.179
Chi phí lãi vay ngân hàng	153.001.881.691	63.694.532.487
Chi phí cho các hợp đồng hợp tác kinh doanh với cá nhân, tổ chức	119.728.751.096	73.509.452.822
Chi phí hoa hồng phát hành trái phiếu	8.649.826.090	8.780.229.943
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	2.021.623
TỔNG CỘNG	**319.880.432.482**	**187.285.347.054**

36. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Lương và các khoản phúc lợi	159.057.762.915	56.292.935.734
BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	2.767.269.500	2.704.448.793
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.713.487.891	1.177.720.882
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.766.972.605	1.530.448.838
Chi phí thuế, phí, lệ phí	71.081.120	111.718.877
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.934.035.985	15.036.089.261
Chi phí khác	42.546.314.371	26.240.813.620
TỔNG CỘNG	**242.856.924.387**	**103.094.176.005**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. Thu nhập khác

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Thu nhập từ vi phạm thực hiện hợp đồng	4.498.367.603	158.440.371
Thu nhập khác	19.370.306.870	3.080.943.491
TỔNG CỘNG	**23.868.674.473**	**3.239.383.862**

38. Thuế thu nhập doanh nghiệp

38.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo thu nhập toàn diện vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% (năm 2020: 20%) trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Lợi nhuận thuần trước thuế	**736.275.485.072**	**336.105.078.681**
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng - Chi phí không được khấu trừ	15.221.036.014	3.446.425.487
Các khoản điều chỉnh giảm - Thu nhập từ cổ tức	(4.172.352.906)	(2.540.557.285)
Chênh lệch thuần đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(12.760.091.580)	(6.206.301.436)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(12.586.680)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	**734.564.076.600**	**330.792.058.767**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính cho năm hiện hành	**146.912.815.320**	**66.158.411.754**

38.2. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Số dư đầu năm	**854.098.883**	**2.095.359.170**
Các khoản chêch lệch tạm thời tính thuế	(12.760.091.580)	(6.206.301.436)
Trong đó:		
- Lỗ lũy kế từ chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	(2.720.609.617)	(6.206.301.436)
- Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(10.039.481.963)	-
Thuế suất tính thuế hoãn lại trong năm hiện hành	20%	20%
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm	(2.552.018.316)	(1.241.260.287)
Điều chỉnh thuế thu nhập hoãn lại do đánh giá lại tỷ giá cuối năm trước	-	-
Số dư cuối năm	**(1.697.919.433)**	**854.098.883**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông:

	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	264.754.606	155.285.986
Lợi nhuận sau thuế - VND	586.810.651.436	268.705.406.640
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng nhân viên - VND	-	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông – VND	586.810.651.436	268.705.406.640
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	264.754.606	155.285.986
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu – VND	**2.216**	**1.730**

40. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọMB Ageas	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Công ty có cùng Ngân hàng mẹ
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Số dư trọng yếu với các bên liên quan của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)	31/12/2020 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Tiền gửi thanh toán của Công ty	32.289.149.436	30.143.673.271
	Tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	1.137.320.000.000	542.320.000.000
	Lãi dự thu tiền gửi của Công ty	24.944.945.958	13.511.698.959
	Tiền gửi giao dịch của Nhà đầu tư	1.049.116.026.962	1.110.119.671.561
	Phải thu phí hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	91.132.325	782.863.203
	Phải trả chi phí thuê văn phòng	-	(332.000.000)

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. Nghiệp vụ với các bên liên quan

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)	31/12/2020 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)
Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Đặt cọc thuê văn phòng	-	(1.111.228.170)
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Đặt cọc thuê văn phòng	909.270.500	13.258.300
	Phải trả chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(50.853.000)	(80.178.296)
Công ty tài chính TNHH MB Shinsei	Phải thu phí lưu ký	150.000.000	-

Giá trị các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2021 và năm 2020 như sau:

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)	31/12/2020 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)
Ngân hàng TMCP Quân đội	Thu lãi tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn	44.461.673.618	39.987.862.684
	Doanh thu phí quản lý cổ đông	600.000.000	600.000.000
	Doanh thu phí hợp tác cho vay thanh toán tiền mua chứng khoán	59.765.033.711	28.288.941.945
	Phí quản lý tài khoản của hợp đồng IB	-	(225.000.000)
	Doanh thu cho thuê văn phòng	200.282.065	-
	Chi phí đặt ấn phẩm BOND	(845.203.659)	(640.000.000)

	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)	31/12/2020 Phải thu/(Phải trả) (VNĐ)
Công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng TMCP Quân đội	Chi phí tiền điện và thuê văn phòng	(24.918.855.088)	(14.259.373.259)
	Chi phí tư vấn giá trị tài sản	-	(43.400.000)
Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas	Doanh thu cho thuê văn phòng	662.247.091	4.040.829.708
Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Quân đội	Doanh thu phí tư vấn	80.000.000	-
	Chi phí bảo hiểm	(1.655.978.802)	(1.770.123.454)
Công ty Tài chính TNHH MB SHINSEI	Doanh thu phí đại lý lưu ký và thanh toán trái phiếu	2.272.727	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư MB	Doanh thu phí dịch vụ lưu ký, chuyển khoản giao dịch chứng khoán	1.152.839.890	199.280.434
	Phí tư vấn đầu tư chứng khoán	(385.000.000)	(107.000.000)
Hội đồng Quản trị	Tiền lương, thưởng và thù lao	(14.097.164.843)	(1.657.147.818)
Ban Kiểm soát	Tiền lương, thưởng và thù lao	(5.232.258.089)	(934.400.000)
Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương, thưởng và thù lao	(30.742.422.959)	(10.278.665.533)

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Những thông tin khác

41.1. Thông tin báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận theo hoạt động kinh doanh
Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các loại hình sản phẩm dịch vụ chính mà bộ phận đó cung cấp.

	Môi giới và dịch vụ khách hàng (VNĐ)	Tự doanh (VNĐ)	Ngân hàng đầu tư (VNĐ)	Hoạt động khác (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Doanh thu hoạt động	1.595.872.138.436	440.804.318.030	103.090.105.070	105.281.289.643	2.245.047.851.179
Các chi phí trực tiếp	(667.798.578.787)	(229.633.261.529)	(41.856.525.454)	(1.450.559.137)	(940.738.924.907)
Khấu hao và các chi phí phân bổ	(403.781.479.328)	(111.530.626.634)	(26.083.465.039)	(26.637.870.199)	(568.033.441.200)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**524.292.080.321**	**99.640.429.867**	**35.150.114.577**	**77.192.860.307**	**736.275.485.072**
SỐ DƯ CUỐI NĂM					
Tài sản bộ phận (*)	7.191.835.124.097	3.545.325.040.126	-	18.220.373.768	10.755.380.537.991
Tài sản phân bổ (*)	269.055.957.741	74.317.374.874	17.380.469.453	17.749.892.071	378.503.694.139
TỔNG TÀI SẢN	**7.460.891.081.838**	**3.619.642.415.000**	**17.380.469.453**	**35.970.265.839**	**11.133.884.232.130**
Nợ phải trả bộ phận	23.690.962.421	30.999.156.768	-	-	54.690.119.189
Nợ phân bổ	5.388.860.453.462	1.488.485.762.697	348.109.461.263	355.508.542.685	7.580.964.220.107
TỔNG CÔNG NỢ	**5.412.551.415.883**	**1.519.484.919.465**	**348.109.461.263**	**355.508.542.685**	**7.635.654.339.296**

(*) Khoản mục được trình bày không bao gồm số dư dự phòng suy giảm giá trị.

Thông tin theo bộ phận khu vực địa lý
Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có một bộ phận theo khu vực địa lý

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)*

B09-CTCK

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Những thông tin khác

41.2 Cam kết thuê hoạt động

	31/12/2021 (VNĐ)	31/12/2020 (VNĐ)
Đến 1 năm	23.334.746.958	21.817.459.404
Từ 1 đến 5 năm	18.209.962.015	14.172.561.274
TỔNG CỘNG	**41.544.708.973**	**35.990.020.678**

41.3 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).
Công ty có số dư ngoại tệ rất nhỏ, do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro ngoại tệ của Công ty là rất thấp. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu niêm yết của Công ty lần lượt là 124.855.634.464 VND và 688.187.286.189 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 124.855.634.464 VND và 688.187.286.189 VND). Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Những thông tin khác

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.
Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng lớn được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận Kế toán theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt, ngoại trừ các khoản phải thu bị suy giảm giá trị như được trình bày dưới đây:

	Không quá hạn và không bị suy giảm (VNĐ)	Quá hạn nhưng không bị suy giảm (VNĐ)	Quá hạn và bị suy giảm giá trị (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	118.318.984.352	-	-	118.318.984.352
Các khoản cho vay	7.151.289.176.293	-	-	7.151.289.176.293
Các khoản phải thu	16.883.415.736	-	16.883.415.736	33.766.831.472
TỔNG CỘNG	**7.286.491.576.381**	**-**	**16.883.415.736**	**7.303.374.992.117**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp và Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn.

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Những thông tin khác

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Quá hạn (VNĐ)	Đến 01 năm (VNĐ)	Từ 01 – 05 năm (VNĐ)	Trên 05 năm (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
TÀI SẢN TÀI CHÍNH					
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	118.318.984.352	-	-	118.318.984.352
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	-	1.722.347.864.808	-	-	1.722.347.864.808
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	-	1.584.415.039.025	10.000.000.000	-	1.594.415.039.025
Các khoản cho vay	-	7.151.289.176.293	-	-	7.151.289.176.293
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	-	117.949.857.502	-	-	117.949.857.502
Các khoản phải thu	-	110.612.278.791	-	-	110.612.278.791
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	4.100.898.228	16.883.415.736	-	-	20.984.313.964
Các khoản phải thu khác	-	10.061.633.840	-	-	10.061.633.840
Tài sản ngắn hạn khác	-	51.750.791.553	-	-	51.750.791.553
Tài sản cố định	-	-	121.732.322.717	-	121.732.322.717
Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	-	-	-	17.956.433.957	17.956.433.957
Tiền nộp Quỹ bù trừ	-	-	-	10.109.941.596	10.109.941.596
Các tài sản dài hạn	-	-	86.355.593.733	-	86.355.593.733
TỔNG CỘNG	**4.100.898.228**	**10.883.629.041.900**	**218.087.916.450**	**28.066.375.553**	**11.133.884.232.131**

Thuyết minh báo cáo tài chính *(Tiếp theo)* *B09-CTCK*

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. Những thông tin khác

	Quá hạn (VNĐ)	Đến 01 năm (VNĐ)	Từ 01 – 05 năm (VNĐ)	Trên 05 năm (VNĐ)	Tổng cộng (VNĐ)
NỢ TÀI CHÍNH					
Vay ngắn hạn	-	6.266.414.308.030	-	-	6.266.414.308.030
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	30.234.768.959	-	-	30.234.768.959
Phải trả người bán ngắn hạn	-	20.304.428.797	-	-	20.304.428.797
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	2.453.002.000	-	-	2.453.002.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	86.296.358.135	-	-	86.296.358.135
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	191.475.017.406	-	-	191.475.017.406
Phải trả, phải nộp khác	-	36.125.311.416	-	-	36.125.311.416
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	158.248.586.015	-	-	158.248.586.015
Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	7.205.078.858	7.205.078.858
Trái phiếu phát hành dài hạn	-	834.981.394.746	-	-	834.981.394.746
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	218.165.500	-	218.165.500
TỔNG CỘNG	**-**	**7.626.533.175.504**	**218.165.500**	**7.205.078.858**	**7.633.956.419.862**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**4.100.898.228**	**3.257.095.866.396**	**217.869.750.950**	**20.861.296.695**	**3.499.927.812.269**

42. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2021 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu	Người kiểm soát	Người phê duyệt
Bà Lê Thị Thu Hiền	Ông Nguyễn Văn Học	Bà Nguyễn Kim Chung
Phó phòng Kế toán	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 1 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB